

Chương 1

CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT Ở QUẢNG NAM VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

I. SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG Ở QUẢNG NAM TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC, PHONG KIẾN (1930 - 1935)

1. Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức quần chúng trong phong trào cách mạng 1930 - 1931

Vào năm 1929, trong lúc hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng ở Quảng Nam có chiều hướng phát triển thì vào đầu tháng 6-1929, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Quảng Nam nhận được thông tin có sự phân liệt ở Đại hội Tổng bộ. Tiếp đến lại có truyền đơn kêu gọi thành lập Đông Dương Cộng sản đảng. Ngay sau đó, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Quảng Nam đã nhanh chóng chuyển thành Đảng bộ Đông Dương Cộng sản đảng (9 - 1929)¹. Tỉnh ủy lâm thời có các ông Phan Văn Định, Phạm Thâm, Nguyễn Thái, do Phan Văn Định làm Bí thư, Phạm Thâm làm Phó Bí thư chuyên lo phát

1. Kỳ yếu toạ đàm, *Một số vấn đề Đảng bộ Quảng Nam, 70 năm hoạt động và trưởng thành*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam - Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam, 12-2000, trang 36.

triển phong trào ra các phủ, huyện. Sau khi ra đời, Đảng bộ chủ trương tiếp tục duy trì nông hội, công hội, hội ái hữu, hội nữ công, hội cứu tế, hội học nghề... Đặc biệt, tháng 12 - 1929, Tổng Công hội Đà Nẵng¹ được thành lập, làm nòng cốt trong việc vận động công nhân, đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp khác đấu tranh chống bọn thực dân phong kiến, tạo thành một làn sóng đòi độc lập dân tộc, dân chủ mạnh mẽ ở khắp nơi.

Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, tại Cửa Long, Hương Cảng (Trung Quốc), Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt* của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các văn kiện trên không chỉ đề ra đường lối chung của cách mạng Việt Nam mà còn đề ra chủ trương, phương hướng cơ bản về tập hợp lực lượng và chỉ rõ: Phải thu phục cho được đại đa số dân cày, dựa vững vào dân cày nghèo; ra sức liên lạc tiểu tư sản, trí thức, trung nông. Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa ra mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, chí ít làm cho họ trung lập...

Cùng với việc thông qua *Điều lệ vắn tắt* của Đảng và các đoàn thể quần chúng như Công, Nông, Thanh, Phụ, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản cũng đã thông qua *Điều lệ vắn tắt* của Hội Phản đế Đồng minh An Nam (Việt Nam), xác định hội là một bộ phận của “*Hội Thế giới Phản đế Đồng minh*” có tôn chỉ là đánh đổ thực dân Pháp. Hội bao gồm cả cá nhân và tổ chức, những người nào tán thành phản đối thực dân Pháp, phục tùng Điều lệ Hội, chịu làm việc cho Hội, chịu nộp hội phí và được hai hội viên giới thiệu. Hệ thống tổ chức gồm: tổng, xứ,

1. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng* (1930 - 1975), Nxb. CTQG, trang 75.

tỉnh và huyện Hội. Bỏ các tổ chức “*xích tổ*”. Đưa những người ở các tầng lớp khác, tri thức, tiểu tư sản..., vào Hội Phản đế¹.

Ngày 5-3- 1930, trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở An Nam* của Nguyễn Ái Quốc, sau khi khái quát diễn biến, tính chất, đặc điểm và nguyên nhân thất bại của các phong trào từ năm 1905 đến đầu năm 1930, Người đã nhận định: Sau khi hai tổ chức cộng sản ra đời tuy công kích nhau, nhưng đều tích cực đi vào quần chúng, vận động công nhân, nông dân, đã ra nhiều báo chí tuyên truyền cho nên ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản càng lan rộng, phong trào đấu tranh của quần chúng càng phát triển. Người khẳng định: “*Chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng với kinh nghiệm và lòng hy sinh, với quần chúng ở bên cạnh, những người cộng sản nhất định sẽ chiến thắng*”².

Ngày 28-3- 1930, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam được thành lập. Đồng thời với việc thành lập các tổ chức cơ sở đảng, Tỉnh ủy đẩy mạnh phát triển các tổ chức quần chúng và mở rộng diện tập hợp lực lượng. Tỉnh ủy xác định công tác vận động quần chúng là thông qua công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia các phong trào đấu tranh với các hình thức và khẩu hiệu khác nhau để lựa chọn những người ưu tú kết nạp vào các hội, đoàn thể. Các tổ chức công hội, nông hội, cứu tế đã có ở các huyện, xã trước đó, nay được chuyển thành công hội đỏ, cứu tế đỏ, nông hội đỏ để làm nòng cốt cho các phong trào đấu tranh chống bọn thực dân, phong

1. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1998, tập 2 (lược trích nội dung từ trang 1 - 10).

2. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), Nxb. CTQG, 2004, trang 21.

kiến. Công tác phát triển hội viên, mở rộng tổ chức công hội đỏ, nông hội đỏ, cứu tế đỏ..., được Đảng bộ quan tâm đặc biệt và thu hút nhiều đối tượng tham gia. Ở Điện Bàn có bảy tổ nông hội đỏ ở các xã Bích Trâm, Hà Thanh, La Thọ, Lục Giáp, Câu Lâu, Thi Nhơn, Hà Mật. Các tổ nông hội đỏ ở Quế Sơn nằm rải rác ở các xã Phú Trạch, Hoà Mỹ, Phú Trang, Phương Trì, Mông Nghệ, Mông Lãnh, Đồng Tràm, Hương Quế, Nghi Hạ, Nghi Lộc. Cùng với Quế Sơn, Điện Bàn, tổ chức nông hội đỏ cũng lần lượt ra đời ở các phủ, huyện khác trong tỉnh, như Ái Nghĩa (Đại Lộc), Tân Mỹ Đông, Mã Châu, Đông Yên, Thi Lai, Trà Kiệu (Duy Xuyên), các xã vùng ven Hội An, Tam Kỳ... Tiêu biểu như ở Tân Mỹ Đông (Duy Xuyên) có tới 8 tổ Nông hội đỏ với 24 hội viên. Ở Đà Nẵng, Hội An, Điện Bàn đều có tổ chức cứu tế đỏ, lo việc thu góp tiền ủng hộ cách mạng. Lực lượng tự vệ ở Hội An tuyển chọn từ trong số bà con lao động nghèo, công nhân khuân vác, thợ thủ công, đêm đêm bí mật luyện tập võ nghệ ở bãi cát vắng. Các nhóm đọc sách báo ở Đại Lộc, Duy Xuyên đã cố gắng ủng hộ tài chính cho Đảng. Đặc biệt, ngay từ tháng 8 - 1930, tại Điện Bàn đã hình thành tổ chức Hội Phụ nữ phản đế với các thành viên như Phạm Thị Diệu, Nguyễn Thị Niu, Nguyễn Thị Cúc, Nguyễn Thị Đăng... Các thành viên này đã cắt tóc ngắn, lên núi Đất Ký thề nguyện giữ bí mật và trung thành với tổ chức, với cách mạng¹. Các tổ chức biến tướng như hội đọc sách báo tiến bộ, nhóm tập võ nghệ, hội bóng đá..., tiếp tục được duy trì. Những quần chúng tích cực trong các hội biến tướng được lựa chọn kết nạp vào công hội đỏ, nông hội đỏ, cứu tế đỏ. Những hội viên tích cực của công hội đỏ, nông hội đỏ, cứu tế đỏ là những đối tượng cảm tình của Đảng.

1. *Lịch sử phong trào Phụ nữ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, tháng 11-2006, trang 42.

Việc các tổ chức quần chúng được thành lập ở khắp các phủ, huyện đồng bằng trong tỉnh có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết các lực lượng cách mạng, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng trên địa bàn. Mặt khác, thông qua các tổ chức quần chúng, Đảng phổ biến được chủ trương, đường lối và tập hợp, giáo dục một đội quân chính trị rộng lớn, hình thành khối liên minh công nông - một trong những nhân tố cơ bản đảm bảo sự thành công của cách mạng giải phóng dân tộc. Đặc biệt, qua các hoạt động, nhiều hội viên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở các địa phương.

Trên cơ sở các hội quần chúng được xây dựng, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, ủng hộ Xô viết Nghệ - Tĩnh ở các phủ huyện cũng phát triển. Ngày 1 - 5 - 1930, lần đầu tiên Nhân dân lao động Quảng Nam cùng với Nhân dân lao động cả nước kỷ niệm ngày Quốc tế lao động. Tại Hội An, cờ đỏ búa liềm được treo vào đường dây tải điện giữa ngã tư đường Chùa Cầu và đường Hội An; truyền đơn được rải trên các đường Quảng Nam (nay là đường Phan Đình Phùng và Trần Hưng Đạo), đường Nhật Bản (nay là đường Trần Phú và Nguyễn Duy Hiệu) và đường Quảng Đông (nay là đường Nguyễn Thái Học). Ở Đà Nẵng cờ đỏ búa liềm và truyền đơn cách mạng xuất hiện trong rạp chiếu bóng Nguyễn Khoa Lê (nay là rạp 29 - 3) giữa lúc mọi người đang xem phim. Ở Điện Bàn, cờ đỏ cách mạng được treo ngay trước dinh Tổng đốc Quảng Nam, trước Phủ đường và trên Cầu Móng. Ở Duy Xuyên, cờ bay trên một trụ thép cao tại Tiệm Rượu, thuyền bè xuôi ngược trên sông Thu Bồn đều trông thấy. Từ cầu Bà Rén đến Hương An, từ Nam Phước đến Cầu Chìm, đâu đâu cũng thấy truyền đơn cách mạng. Nội dung truyền đơn kêu gọi công nhân đấu tranh đòi

tăng lương, bớt giờ làm, chống đánh đập, đòi hoãn sưu thuế cho nông dân.

Ngoài truyền đơn, ở Quảng Nam có những tờ báo bí mật được lưu hành: Tờ báo *Bể xiềng* của Xứ ủy Trung Kỳ, Tỉnh ủy Quảng Nam có báo *Lưỡi cày*; Thị ủy Đà Nẵng có báo *Còi nhà máy* đã trang bị lý luận cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ của Đảng để tuyên truyền đến các giai cấp, tầng lớp trong Nhân dân. Ở đâu cũng có cờ đỏ búa liềm, báo chí và truyền đơn cách mạng, xuất hiện ở những nơi mà bọn thống trị cho là an toàn nhất, cộng sản không thể nào đột nhập được như trên nóc dinh Tổng đốc Quảng Nam, phủ đường Điện Bàn, Sở Cảnh sát Đà Nẵng đã làm cho bọn thực dân thống trị kinh hoàng và thổi một khí thế mới trong Nhân dân đang sôi sục lòng căm thù đế quốc, phong kiến.

Sau ngày 1 - 5 đến tháng 8 - 1930, tại Điện Bàn liên tiếp nổ ra các cuộc đấu tranh đòi lại công điền của Nhân dân làng Đông Quang (Điện Hòa), buộc phú hương làng xã phải trả lại đất đai mà Nhân dân mới khai phá (mới sản xuất được 3 năm), để chia cho dân làng cày cấy; tá điền thôn Bích Trâm (Điện Hòa) đấu tranh đòi chủ đất Nghè Dung giảm thu tô từ chỗ chia hai xuống chia ba, Nhân dân làng Trà Nhiều đồng loạt kéo qua bãi Thanh Châu chống bọn hào lý chiếm đất sa bồi của họ; Nhân dân một số xã đấu tranh đòi bọn chủ có thuê người lao động phải quy định giờ giấc làm việc, hết giờ phải đánh trống làm hiệu..., để người lao động được nghỉ ngơi. Tại Hội An, công nhân ngành vệ sinh đấu tranh đòi tăng lương; cơ sở nông hội đổ thực hiện rải truyền đơn dọc theo đường từ Chùa Cầu đến tòa Công sứ Pháp, kêu gọi quần chúng đấu tranh chống đế quốc, đòi công sứ và quan lại Nam triều giảm thuế; hàng trăm nông dân ở vùng phụ cận tham dự mít tinh và làm mạng lưới

bảo vệ từ vòng ngoài, còn tự vệ mật bảo vệ vòng trong cho cuộc mít tinh do Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam tổ chức (8 - 1930). Tại Quế Sơn, nông hội đỏ mở đại hội toàn huyện nhằm phát triển hội viên và quyên góp ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân Trường Thi - Nam Định; hàng trăm người thuộc các tầng lớp khác nhau kéo đến Khe Muôn tham dự mít tinh do Đảng tổ chức. Tại Duy Xuyên, trên 200 nông dân gồm các làng Chiêm Sơn Đông, Phú Nham Đông, Phú Nham Tây, Trà Kiệu Tây đồng loạt kéo về tham dự cuộc mít tinh ở Chiêm Sơn Đông. Tháng 9 - 1930, phong trào công nông đã phát triển tới đỉnh cao, đặc biệt ở 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, Nhân dân các huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Hương Sơn..., vũ trang khởi nghĩa, kéo vào huyện đường, phá nhà giam, đốt dinh tri huyện cùng toàn bộ giấy tờ, sổ sách, giải tán chính quyền tay sai, lập chính quyền cách mạng theo hình thức Xô Viết. Hương ứng phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, Nhân dân nhiều nơi trong tỉnh đã tổ chức đấu tranh, ngoài những khẩu hiệu kinh tế thông thường, đã có nhiều khẩu hiệu chính trị mới, nêu rõ: ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh. Những cuộc đấu tranh nói trên ở những mức độ khác nhau đều giành được thắng lợi, chính quyền thực dân và tay sai phải chấp nhận các yêu sách của quần chúng.

Tháng 10 - 1930, giữa lúc cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp đang diễn ra quyết liệt trong cả nước, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) đã thông qua *Luận cương chính trị, Điều lệ Đảng...*, và hàng loạt nghị quyết về các tổ chức quần chúng. Trong *Án Nghị quyết về vấn đề phản đế*, Đảng đã nêu rõ “ở Đông Dương có nhiều lực lượng phản đế mà hiện nay cần phải hiệp lại làm một phong trào cách mạng thống nhất để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mưu sự giải phóng

cho xứ Đông Dương. Bởi vậy cho nên Đảng cần phải tổ chức ra ở Đông Dương một phân bộ của Đại đồng minh phản đế. Những điều kiện để tổ chức đã có đủ”¹. Ngày 18 - 11 - 1930², Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Chỉ thị về thành lập *Hội Phản đế Đồng minh*, hình thức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để mở rộng Hội Phản đế, Chỉ thị nêu rõ “*phải hấp thụ các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở vào lớp giữa cũng vậy và cho tới cả những người địa chủ, có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp, mong muốn độc lập quốc gia, để đưa tất cả những tầng lớp và cá nhân đó vào trong hàng ngũ chống đế quốc Pháp...*”³. Đây là văn kiện đầu tiên phân tích khá đầy đủ những quan điểm cơ bản của Đảng và đặt nền tảng định hướng cơ bản cho tiến trình phát triển của tổ chức Mặt trận Dân tộc thống nhất ở Việt Nam.

Chỉ thị về thành lập *Hội Phản đế Đồng minh* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời trong bối cảnh phong trào cách mạng 1930 - 1931 đang diễn ra sôi nổi trong phạm vi cả nước, có ý nghĩa lớn lao trong việc vận động, tập hợp, đoàn kết các lực lượng dân tộc chống đế quốc và tay sai. Tuy nhiên, trước đó trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (khoảng tháng 10 - 1930), một số cán bộ trong tổ chức của ta như Nguyễn Hứa (Phó Cọi), Nguyễn Lộc bị thực dân Pháp bắt, không chịu đựng nổi sự tra tấn tàn bạo của kẻ thù đã đầu hàng,

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 37 - 38.

2. Năm 1986, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có quyết định lấy ngày 18-11 hàng năm là Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam. Nay là Ngày Truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 42.

khai báo làm cho phong trào cách mạng bị bế vỡ trên toàn tỉnh. Cuối tháng 10 - 1930, địch phát hiện ra cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam. Các vị trong Tỉnh ủy bị bắt. Toàn bộ tài liệu cơ quan Tỉnh ủy bị tịch thu. Cơ quan phân Xứ ủy Trung Kỳ đóng tại Đà Nẵng cũng bị địch phát hiện. Phần lớn các đảng viên, các hội viên nông hội đỏ, công hội đỏ, cứu tế đỏ trong tỉnh đều bị bắt.

Qua vụ bế vỡ này, tổ chức đảng và phong trào cách mạng ở Quảng Nam đứng trước một thử thách rất lớn. Nhưng nhờ ảnh hưởng của Đảng đã khá sâu trong quần chúng Nhân dân, nên một số hội viên công hội đỏ, nông hội đỏ còn lại đã tạm thời phân tán vào Sài Gòn và các nơi khác chờ qua đợt khủng bố để về lại địa phương hoạt động.

Sang năm 1931, số hội viên công hội đỏ, nông hội đỏ tạm lánh vào Sài Gòn và Quảng Ngãi đã trở về Quảng Nam thành lập công hội ở Thi Nhơn - Đông Yên (Duy Xuyên) và tổ chức nhóm phản đế ở phủ Điện Bàn. Ở Hội An, những chiến sĩ cách mạng chưa bị sa lưới địch trong vụ bế vỡ tháng 10 - 1930 vẫn tiếp tục hoạt động. Tuy vậy, khi các tổ chức quần chúng cách mạng ở Quảng Nam vừa được nhen nhóm xây dựng lại thì bị địch phát hiện và đánh phá. Số người bị bắt lần này khá đông, phong trào cách mạng ở Quảng Nam tạm thời lắng xuống.

Từ cuối năm 1931, mặc dù phong trào cách mạng nói chung có lắng xuống, nhưng sức sống của Đảng không thể bị tiêu diệt. Trong ngục tù đế quốc, những hội viên của các đoàn thể quần chúng vẫn giữ vững niềm tin vào cách mạng, đấu tranh chống lại chế độ giam cầm khắc nghiệt của nhà tù, đòi cải thiện đời sống và vẫn tìm cách liên hệ với bên ngoài. Số hội viên còn lại ở bên ngoài vẫn âm thầm hoạt động, trở thành cơ sở bí mật để cán bộ, đảng viên móc nối, liên lạc, phục hồi, gây dựng lại các tổ chức cơ sở của Đảng và quần chúng.

2. Sự hồi phục lực lượng cách mạng sau khủng bố của thực dân Pháp 1932 - 1935

Những năm 1932 - 1935, là những năm tháng thử thách nặng nề đối với các chiến sĩ cộng sản trên cả nước nói chung, Quảng Nam nói riêng. Đây là những năm đấu tranh để giữ gìn lực lượng và hồi phục phong trào trước những thủ đoạn tàn bạo, nham hiểm của kẻ thù. Để giữ gìn lực lượng cách mạng, dù bị địch tra tấn rất dã man, các chiến sĩ cộng sản và những quần chúng cảm tình của Đảng vẫn một mực không khai báo. Nguyễn Thành - Bí thư chi bộ Bát Nhị, bị tra tấn mấy ngày liền vẫn không khai. Cuối cùng để bảo vệ cơ sở cách mạng khỏi bị lộ, đã uống thuốc độc tự tử trong nhà lao. Sự hy sinh của người bí thư chi bộ Bát Nhị đã có nhiều tác động tích cực đối với các tù nhân yêu nước khác. Đoàn Xuân Trinh - Bí thư Đảng bộ huyện Quế Sơn bị địch tra tấn quần quai bên chiếc gông tạ vẫn không nhận là Bí thư Huyện uỷ Quế Sơn; Nguyễn Ngọc Kinh bị bắt vào giữa năm 1931, trong thời gian vận động xây dựng các tổ chức phản đế ở Điện Bàn bị chúng tra tấn rất dã man, đẫm máu nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết cách mạng, thẳng thắn vạch mặt Tổng đốc Quảng Nam Ngô Đình Khôi hại dân, phản nước... Đó chỉ là một số ít những tấm gương của các chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ cơ sở cách mạng.

Không đủ chứng cứ để có thể kết tội và giết hại những người cộng sản yêu nước, bọn đế quốc thống trị thực hiện chế độ lao tù khắc nghiệt mong làm cho họ chết dần chết mòn. Nhưng trong nhà tù, các chiến sĩ yêu nước kiên gan đấu tranh, bên ngoài một số tạm lánh vào Sài Gòn rồi quay trở về móc nối, gây dựng lại cơ sở. Từ cuối năm 1931 đầu năm 1932, nhiều anh em tù chính trị cộng sản mãn hạn về lại địa phương móc nối cơ

sở, lãnh đạo phong trào. Họ đã tìm cách che mắt địch, móc nối với các cơ sở cách mạng còn lại để hoạt động. Phong trào cách mạng trong tỉnh nhờ đó dần dần được hồi phục.

Nội dung đấu tranh của thời kỳ này chủ yếu tập trung đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống xâm thuế, chống bọn thống trị hà hiếp, đòi quyền sống, đòi cấp lại công thổ cho công bằng; chống nạn hào lý bao chiếm, bao tá ruộng đất, quân cấp công điền công thổ bất minh, phụ thu lạm bổ; vạch mặt bọn quan lại cường hào tham nhũng, hối lộ, cướp đoạt ruộng công điền của anh em tù chính trị; đấu tranh chống chủ thầu làm đường xe lửa trả tiền công chậm trễ... diễn ra ở nhiều nơi như Trà My, Quế Sơn, Tam Kỳ, buộc chính quyền thực dân, phong kiến phải nhượng bộ, giải quyết các yêu sách cho Nhân dân. Bên cạnh các hình thức đấu tranh vì mục tiêu kinh tế, nhiều nơi Nhân dân còn vũ trang tự vệ, tiến công vào các căn cứ của địch, như vào cuối tháng 12 - 1932, đồng bào Xơ Đăng ở vùng cao Trà My dùng cung nỏ, chông thò phục kích đánh đồn Tak Chanh. Nhân dân làng Mường Chán lập một đội nghĩa dũng gồm hơn 10 thanh niên do Nok Non chỉ huy, tổ chức phục kích, chém được 7 tên địch ở đồn này, khiến cho bọn còn lại hoảng sợ bỏ chạy về đồn Trà My, kể từ đó, giặc Pháp bỏ luôn đồn Tak Chanh, không dám đưa quân lên đóng lại. Cùng thời gian này, Nhân dân vùng cao Đăk Lay cũng tổ chức phục kích tiêu diệt 3 tên lính tập ở Nước Vin, đồng bào dân tộc thiểu số ở Trà My đánh bọn địa chủ ở Phương Xá, Đông Hội, làm cho bọn hào lý hoảng sợ phải báo thực dân Pháp đưa quân lên đàn áp.

Đặc biệt, sau khi Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam được lập lại vào cuối năm 1932, công tác phát triển các tổ chức đoàn thể quần chúng được chú trọng. Nhiều nơi đã lập lại công hội đỏ, nông hội đỏ, cứu tế đỏ, Thanh niên cộng sản đoàn và phụ nữ

cảm tình cộng sản. Các nhóm đọc sách báo tiên bộ được hình thành ở Đà Nẵng, Hội An, Vĩnh Điện, Tam Kỳ, Đại Lộc, Quế Sơn... Trong số các tổ chức quần chúng được lập lại ở Quảng Nam sau thời kỳ khủng bố trắng của thực dân Pháp, thì chỉ có tổ chức công hội đỏ và phong trào công nhân là có chuyển biến. Ngày 14 - 2 - 1933, tổ chức công hội đỏ đã vận động 150 công nhân làm đường xe lửa tại Trà Lý, Bích Ngô (Tam Kỳ) tổ chức bãi công buộc bọn chủ thầu phải giảm giờ lao động. Trong 2 ngày 20 và 21 - 2 - 1933, 250 công nhân mỏ vàng Bồng Miêu đấu tranh đòi bảo hiểm xã hội, đòi phụ cấp đất đỏ. Ngày 24 - 2 - 1933, công nhân bốc vác bên tàu Đà Nẵng đấu tranh đòi cải thiện đời sống và đã giành thắng lợi. Tuy nhiên, đó cũng chỉ mới là hoạt động đơn lẻ, thuần túy về kinh tế, còn tình hình ở đa số các địa phương thì *“Lúc này quần chúng quá ít, hơn nữa sợ bị lộ nên công nhân vận động và nông dân vận động cũng yếu”*¹. Mặc dù: *“thợ thuyền, dân cày, binh lính, học sinh và các hạng người lao khổ không sợ cộng sản mà còn có xu hướng cộng sản, ai nấy đều căm giận đế quốc, phong kiến”*².

Từ ngày 27 đến ngày 28-2-1933, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Quảng Nam họp, nhận định tình hình và đề ra phương hướng hoạt động. Đối với công tác quần chúng, Hội nghị chỉ rõ: *“Chú tâm việc tổ chức công hội đỏ trong các sản nghiệp công sở, đặc biệt ngó vào Tourane nhiều hơn, bổ sung đồng chí ra đó hoạt động, mở rộng tổ chức thanh niên cộng sản thu nạp luôn sinh hội vào đó, tổ chức nông hội làng ở miền biển rồi từ miền biển ăn lan vào miền nguồn, tổ chức cứu tế đỏ mạnh lên... Việc tổ chức các hội viên công hội, nông hội, thanh niên cộng sản và cứu tế đỏ phải tiến hành tuyên truyền, giác ngộ*

1. Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975), trang 93.

2. Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975), trang 93.

cho kỹ, sau đó cử soát lại rồi hãy kết nạp lại cho cẩn thận đừng để bọn chúng lỏng vào cơ sở, chú ý không nên gần gia quyến những người khai báo mà lộ tin ra”. Về khẩu hiệu đấu tranh cụ thể: “... Phải xoay quanh vấn đề chống thuế chống xấu, đòi thả chính trị phạm để tập hợp quần chúng lao khổ chống đế quốc và phong kiến Nam triều đưa lao khổ tiến tới giành chính quyền lập xô viết công nông binh”¹.

Tiếp theo, từ ngày 14 đến ngày 26 - 4 - 1934, Hội nghị Ban Chỉ huy ở ngoài nước và đại biểu các cấp ủy địa phương trong nước ra Nghị quyết tăng cường củng cố và mở rộng Liên minh phản đế và các hội quần chúng. Về công tác vận động quần chúng, Nghị quyết nhấn mạnh: “Đảng phải lôi kéo vào “Liên minh phản đế” tất cả các phần tử và tổ chức ít nhiều có tính chất chống đế quốc. Đảng nên bỏ việc tuyển lựa quần chúng có tính chất khắt khe như tuyển lựa đảng viên, Đảng cần giữ vững sự lãnh đạo “Mặt trận Liên minh phản đế” và tìm mọi cách ngăn ngừa đừng để Mặt trận thành một tổ chức chính trị độc lập. Hội “Cứu tế đỏ” phải tổ chức trên cơ sở thật rộng rãi, cần chú ý đến một điều “Cứu tế đỏ” không những là tổ chức cứu tế mà còn là một tổ chức đấu tranh cách mạng. Các đảng bộ cần phải đấu tranh mở rộng và tăng cường tổ chức phụ nữ và học sinh, những hội tương tế, những hợp tác xã, hội thể thao, những lớp học của trung niên, những hội giúp nhau làm nhà cửa, ma chay... Các đảng viên của Đảng phải thâm nhập vào các tổ chức công khai, phải lập ra nhiều tổ chức quần chúng, nhất là trong phạm vi hoạt động hợp pháp để mở rộng phong trào cách mạng một cách hợp pháp”².

1. Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975), trang 94.

2. Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tập 1 (1930 - 1954), trang 102 - 103.

Trong những năm 1933 - 1935, cùng với việc đẩy mạnh phục hồi tổ chức đảng, các tổ chức công hội đỏ, nông hội làng, cứu tế đỏ, Đoàn thanh niên cộng sản dần dần mở rộng và phát triển. Nhiều nhóm đọc sách báo tiến bộ được hình thành ở Hội An, Điện Bàn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Đại Lộc, Quế Sơn... Tại Điện Bàn, nhân lính tuần sai về Cẩm Lậu bắt chính trị phạm ra kiểm diện, một bức thư tay được bí mật phổ biến kêu gọi đảng viên và hội viên nông hội đỏ tập hợp lại thành tổ chức, từ đó anh em tìm cách liên hệ móc nối nhau hoạt động trở lại. Tại Đại Lộc, một số nơi tổ chức nông hội đỏ không còn, cán bộ, đảng viên của ta đã khéo léo tuyên truyền cách mạng, hướng dẫn cách tập hợp lực lượng như thành lập các đội bóng đá Ở Hà Nha, Đông Lâm, Hòa Mỹ, Ái Nghĩa. Ở Tam Kỳ, bên cạnh tổ chức cứu tế đỏ, một số địa phương còn có tổ chức nông hội đỏ như ở Ngọc Mỹ, An Hòa, Hòa Thanh, hoặc tổ chức ngư hội với sự tham gia của hàng trăm ngư dân. Các tổ chức biến tướng của nông hội như hội đồng dân, đồng canh, lương bằng, trợ tang..., phát triển ở nhiều nơi trên địa bàn.

Phong trào đấu tranh của quần chúng dưới các khẩu hiệu đòi dân sinh, dân chủ lúc này tuy không có qui mô lớn, nhưng lại xuất hiện ở nhiều nơi, cả thành thị và nông thôn. Tại Đà Nẵng, năm 1935, một nhóm thanh niên yêu nước đã lập nên trường học Thanh Huy ở Thanh Khê, để dạy học và tuyên truyền cách mạng trong thanh niên, học sinh, do Nguyễn Văn Âm làm hiệu trưởng; ở Tân Hạnh (Hòa Vang), ông Nguyễn Ngọc Kinh sau khi mãn hạn tù (1935) về làng, đã thúc đẩy lý trưởng thực hiện những cải cách văn hóa nông thôn và không gây căng thẳng trong dân vào mùa thu thuế; công nhân làm đường xe lửa Đà Nẵng - Quảng Ngãi đấu tranh chống bọn chủ thầu trả tiền công chậm trễ. Tại Tam Kỳ, các cuộc đấu tranh của nông dân diễn

ra sôi nổi, điển hình là vụ nông dân làng Tịch Tây (nay thuộc xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành) làm đơn lên phủ kiện bọn lý hương cầm đoán, bắt bớ, phạt vạ dân làng đốn củi, cắt lá ở rừng, dẫn đến xô xát giữa dân và tên xã Tứ tại làng, chính quyền phủ Tam Kỳ buộc phải nhượng bộ, giải quyết cho nông dân thắng kiện; nông dân Đức Phú (Tam Sơn) đấu tranh phản đối thái độ ngang ngược, ức hiếp dân làng của tên chủ đồn điền chè Đức Phú. Phối hợp với cuộc đấu tranh của công nhân mỏ vàng Bồng Miêu, hàng trăm nông dân làng Bồng Miêu đã biểu tình, đưa đơn kêu kiện tên chủ sở mỏ vàng cướp ruộng đất canh tác để mở rộng nhà máy khai thác vàng, buộc chúng phải bồi thường. Tại Quế Sơn, nông dân Tổng Xuân Phú kéo đến đình làng, để chống hào lý tham nhũng, đòi chia ruộng cho công bằng. Ở Đại Lộc vào giữa năm 1935, đã lập được 2 nhóm thanh niên phản đế ở Đại An, Đức Hạ và các hội bóng đá ở Hà Nha, Đông Lâm, Hòa Mỹ, Ái Nghĩa. Ở Điện Bàn, tổ chức công hội đỏ hoạt động mạnh, các cơ sở đảng và cơ sở quần chúng trong phủ liên lạc với nhau rất chặt chẽ. Ở Thăng Bình, các cuộc bút chiến về “*Duy vật hay duy tâm*”, “*Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh*” trên các báo *Đời Mới*, *Ánh Sáng*, *Trung Kỳ* đã cuốn hút nhiều thanh niên, hình thành các nhóm đọc sách ở An Thạch, Hà Lam, Tây Giang, Hiền Lương, Chợ Đước...¹

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng chủ trương mở rộng hàng ngũ mặt trận. Về tổ chức Mặt trận, nghị quyết chỉ rõ cần có nhiều hình thức phù hợp, linh hoạt, Mặt trận Thống nhất Phản đế phải tùy theo điều kiện mà định. Đối với quần chúng trong các đảng phái phản động thì phải tổ chức mặt trận thống nhất bên dưới, đối với các đoàn

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 97.

thể cách mạng tiểu tư sản thì có thể tổ chức mặt trận thống nhất bên dưới (với quần chúng) và bên trên (với lãnh tụ). Đại hội còn thông qua Điều lệ của Đông Dương Phản đế Liên minh với tôn chỉ, mục đích là: “*Liên kết hết thảy các lực lượng phản đối đế quốc Pháp ở xứ Đông Dương tham gia cuộc vận động dân tộc giải phóng ở xứ Đông Dương và hết thảy các cuộc cách mạng tranh đấu ở trên thế giới*”. Về tiêu chuẩn và tư cách hội viên, Điều lệ quy định: Hễ người nào (vô luận đàn ông, đàn bà, già, trẻ, tôn giáo nào, xu hướng chính trị nào) hoặc đoàn thể nào thừa nhận Điều lệ và Nghị quyết của Đông Dương Phản đế Liên minh và thường xuyên nộp hội phí thì được nhận vào Liên minh. Từ hệ thống tổ chức 4 cấp trước đây nay mở ra thành 6 cấp nhằm đưa công tác phản đế liên minh đến tận các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, công sở, trường học, đường phố để lập ra các chi hội Phản đế Liên minh. Cơ quan cao nhất là Hội nghị toàn chi hội, tiếp đến là cấp tổng, huyện, tỉnh thành, xứ và toàn Đông Dương đại biểu Hội nghị. Lần đầu tiên Điều lệ cho phép các ủy viên được lập ra các bộ chuyên môn giúp việc như các Tổ chức, Tuyên truyền, Tài chính¹.

Nhìn chung, mặc dù trong bối cảnh cách mạng bị địch khủng bố, đàn áp, song các phong trào cách mạng của Nhân dân Quảng Nam liên tục được giữ vững, diễn ra đều khắp trên mọi địa bàn, từ nông thôn đến rừng núi, từ đồng bằng đến đô thị, hình thức đấu tranh rất phong phú, đa dạng. Điều đó chứng tỏ ngay cả trong thời kỳ cách mạng bị tạm thời thoái trào, trên cơ sở của liên minh công nông, nếu biết tập hợp, đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, sẽ tạo nên một lực lượng cách mạng hùng hậu, góp phần quan trọng vào việc nuôi dưỡng

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 110 - 111.

phong trào, tạo điều kiện để Đảng khôi phục và phát triển thực lực, tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh mới.

II. MẶT TRẬN NHÂN DÂN PHẢN ĐẾ ĐÔNG DƯƠNG VÀ MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG VỚI PHONG TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI DÂN SINH DÂN CHỦ CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NAM (1936 - 1939)

1. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong thời kỳ Đảng lãnh đạo Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (1936 - 1938)

Từ 1936 tình hình thế giới và trong nước có một số biến đổi nghiêm trọng. Chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở một số nước tư bản (Đức, Italia, Nhật Bản), âm mưu gây chiến tranh thế giới để thống trị toàn bộ thế giới. Trước tình hình đó, Quốc tế Cộng sản (do Lênin sáng lập từ năm 1919) đã họp Đại hội lần thứ VII tại Moskva (Mat-xơ-va, 1935) và quyết định tập trung mọi lực lượng, thành lập Mặt trận Nhân dân ở các nước để chống chủ nghĩa phát xít. Ở Pháp, Mặt trận Nhân dân Pháp sau khi đánh bại âm mưu của lực lượng phát xít muốn giành chính quyền ở Pháp (1936), Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban bố một số chính sách có lợi cho cách mạng ở các nước thuộc địa: công bố quyền tự do báo chí, quyền lập hội, trả tự do cho tù chính trị.

Trong bối cảnh nói trên của tình hình thế giới, đời sống của các tầng lớp Nhân dân lao động ở Việt Nam vẫn tiếp tục căng thẳng do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933.

Ở Quảng Nam, thực dân Pháp vẫn tiếp tục công cuộc khai thác thuộc địa, tổ chức nạo vét sông Hàn để tàu trọng tải 1.500 tấn có thể cập bến, tiếp tục mở đoạn đường sắt Đà Nẵng

- Quảng Ngãi, bắt dân đi xâu để làm đường 14 và 16. Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới nên ở Quảng Nam các nhà buôn bán nhỏ cũng khó khăn. Ở nông thôn, địa chủ lợi dụng khó khăn của nông dân để cho vay nặng lãi. Một số nông dân tán gia bại sản phải bỏ vào Sài Gòn, Đông Nam Bộ để kiếm kế sinh nhai. Nhân dân cả nước nói chung và Nhân dân Quảng Nam nói riêng trong tình hình chủ nghĩa phát xít đe dọa chiến tranh, cuộc sống muôn vàn khó khăn, không có mong muốn gì hơn là hòa bình, tự do, cơm áo, đời sống được cải thiện.

Ngày 1-5-1936, công nhân mỏ vàng Bồng Miêu bãi công đòi chủ tăng lương 100%, công nhân xưởng chè Phia đấu tranh đòi cải thiện đời sống, công nhân các hãng buôn Quảng Hòa Hưng, Lê Văn Tập, Trương Côn, Sacric (Sa-cơ-rít)..., đấu tranh đòi chủ tăng tiền công bốc vác hàng hoá. Cùng thời gian này, trên địa bàn vùng cao, đồng bào Bến Hiên - Bến Giằng bị bắt xâu làm đường 14 đã lần công, phá hoại công cụ làm đường, dùng ná bắn lính coi xâu, buộc bọn Pháp phải làm thêm hàng rào chạy dọc từ An Diêm đến Hà Tân để ngăn nạn “*giặc mùa*”, lập đồn Bến Hiên và Bót Xít để canh gác. Đồng bào vùng Cady-Tabhing (Bến Giằng), Cadoạt, Giá, Canâng (Phước Sơn) nhờ người làm đơn gửi lên đến tòa khâm sứ Huế phản đối các cai, đội người Pháp đánh đập người đi xâu. Tại Trà My, dân các làng bản thuộc các xã Trà Nam, Trà Linh, Trà Cang, Trà Mai..., rào làng, làm lễ cúng Giăng, tổ chức lực lượng nổi dậy chống Pháp. Có nơi, lính đến bắt xâu đồng bào viện cớ làng “*có cữ*” không đi, hoặc ban ngày đi làm xâu, ban đêm bắn tên vào đồn lính hù dọa nạn “*giặc mùa*”.

Tháng 7 - 1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Thượng Hải (Trung Quốc)

định ra đường lối, phương pháp cách mạng trong thời kỳ mới, chỉ rõ mục tiêu trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, cơm áo và hòa bình. Hội nghị chủ trương thay đổi nội dung và hình thức đấu tranh cho phù hợp với tình hình mới, triệt để lợi dụng khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tập hợp và hướng dẫn quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao nhằm giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng. Đặc biệt, ngày 26 - 7 - 1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã thông qua bản Chỉ thị gửi các tổ chức của Đảng. Chỉ thị nhấn mạnh: “Việc thành lập Mặt trận Dân tộc Phản đế không thể trì hoãn thêm một phút... Mặt trận Dân tộc Phản đế phải trở thành tổ chức công khai nhất của đông đảo quần chúng... Mặt trận đó phải bao gồm tất cả các đảng phái và tất cả các tầng lớp Nhân dân, không phụ thuộc vào dân tộc nào, dù là người Pháp, người Việt, người Lào hay các dân tộc thiểu số khác, miễn là họ nhất trí tranh đấu để thực hiện những yêu sách đã nêu trên”¹. Về Hội Phản đế, Chỉ thị nêu rõ: “Đến nay tồn tại chỉ theo tên. Số lượng hội viên của Hội rất ít. Đảng ta, các tổ chức quần chúng, cũng như các đảng khác đều đặt nhiệm vụ trọng tâm là

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 139. Tuy nhiên, cũng tại tài liệu này thì tên gọi của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam từ năm 1936 đến năm 1938 cũng không thống nhất: Mặt trận dân chúng Thống nhất đấu tranh phản đế (trang 134), Mặt trận Thống nhất đấu tranh phản đế (trang 135), Mặt trận Thống nhất phản đế (trang 136, 137), Mặt trận Dân tộc phản đế (trang 137, 138, 139), Mặt trận Thống nhất phản đế (trang 154), Mặt trận Nhân dân phản đế (trang 154, 155), Mặt trận Nhân dân Đông Dương (trang 156, 157), Mặt trận chống đế quốc (trang 160), Mặt trận Thống nhất Nhân dân (trang 169), Mặt trận Nhân dân Thống nhất Đông Dương (trang 170), Mặt trận Thống nhất Nhân dân Đông Dương (trang 172), Mặt trận Thống nhất Dân chủ (trang 199)... Tại tập sách này, để thống nhất với cách gọi của tập sách *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, tại trang 100, chúng tôi xin được viết là Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.

tranh đấu chống chủ nghĩa đế quốc và vì thế không thành lập một tổ chức đặc biệt là Hội Phản đế”¹.

Ở Quảng Nam, các chiến sĩ cộng sản ra tù về lại địa phương là nhân tố bước đầu quan trọng để chuyển hướng lãnh đạo theo chủ trương mới của Đảng. Giữa năm 1936, được tin Quốc hội Pháp sẽ cử một phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, Đảng chủ trương vận động và tổ chức Nhân dân họp bàn về các yêu cầu tự do, dân chủ để thảo ra các bản “*dân nguyện*” gửi tới phái đoàn, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội. Vì vậy, trong một lần gặp gỡ bí mật ở bãi cát nhà ga Đà Nẵng, các ông Nguyễn Trác, Trịnh Quang Xuân, Trần Học Giới đã hình thành Ủy ban vận động Đông Dương Đại hội Quảng Nam (khoảng tháng 9 - 1936). Ngày 20 - 9 - 1936, tại trụ sở Viện Dân biểu Trung Kỳ (Huế) đã diễn ra Hội nghị toàn kỳ Đại hội Đông Dương. Hơn 700 đại biểu, phần đông là giới lao động và những thành phần tiên bộ thuộc các tầng lớp Nhân dân được huy động đến làm hậu thuẫn cho lực lượng tiên bộ, dân chủ do Phan Đăng Lưu đứng đầu. Trong số đó, có rất nhiều tù chính trị được trả tự do của Quảng Nam đã có mặt trong hội nghị quan trọng này. Hội nghị toàn kỳ đã biến thành diễn đàn phát biểu nguyện vọng chính đáng của quần chúng lao động, vạch mặt lực lượng tay sai thực dân trong Viện Dân biểu và tuyên truyền chủ trương của những người cộng sản.

Sau 2 ngày làm việc, Hội nghị toàn kỳ đi đến quyết định yêu cầu chính quyền để quần chúng thành lập các ủy ban hành động tại các địa phương và cơ sở kinh doanh; các ủy ban này hoạt động công khai để thu thập “*dân nguyện*” và cử người đại

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 140.

diện của mình. Hội nghị toàn kỳ cũng cử ra Ủy ban lâm thời gồm 26 người, trong đó có 9 dân biểu, 17 “*chính trị phạm*” và đại biểu của giới lao động để vận động tiến tới Đại hội toàn kỳ chính thức khi đã tập hợp đầy đủ “*dân nguyện*” từ các cơ sở.

Chính quyền thực dân và Nam triều hoàn toàn bất ngờ trước kết quả Hội nghị toàn kỳ, nên Khâm sứ Trung Kỳ Graffeuit (Gơ-ráp-phơ) lập tức tuyên bố bác bỏ mọi yêu cầu của Hội nghị và ngay trong ngày 21 - 9 - 1936, thực dân Pháp ra lệnh cấm triệu tập Đông Dương Đại hội toàn xứ Trung Kỳ. Tiếp theo, ngày 29 - 9 - 1936, giới cầm quyền Đông Dương ra lệnh cấm hội họp công khai hoặc phát truyền đơn cổ động cho Đông Dương Đại hội.

Mặc dù phái đoàn của Quốc hội Pháp không sang, phong trào Đông Dương Đại hội bị cấm hoạt động, song đông đảo quần chúng lao động đã thức tỉnh. Những người cộng sản Quảng Nam sau khi dự họp ở Huế về, thông qua các tổ chức quần chúng đã tích cực tận dụng các cơ hội họp pháp, xúc tiến họp Nhân dân thu thập nguyện vọng, lấy chữ ký. Khắp các phủ huyện từ Tam Kỳ, Quế Sơn, Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn đến Đà Nẵng đều tổ chức cuộc họp với nội dung trên. Sôi nổi nhất là cuộc họp ở nhà Võ Đê (Trà Kiệu, Duy Xuyên), có hơn 30 đại biểu, trong đó có cả nhân sĩ, trí thức tham gia, do Nguyễn Trác chủ trì. Cuộc họp đã lập bản dân nguyện rồi vận động lấy chữ ký. Từ Trà Kiệu lan sang Chiêm Sơn, Phú Nham, Thi Lai, Mã Châu, Chợ Chùa..., đâu đâu cũng hùng hực khí thế cách mạng, góp phần cổ vũ giải tỏa tâm lý của Nhân dân sợ địch khủng bố.

Cuối năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam được lập lại, chủ trương phát triển thực lực Đảng, thực lực quần chúng

cả bí mật và công khai, lập nhiều hội ái hữu, hội tương tế, nhóm đọc sách báo, tận dụng báo chí công khai, kết hợp giữa hoạt động hợp pháp và hoạt động bất hợp pháp, phát động quần chúng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh theo khẩu hiệu của Mặt trận Nhân dân Phản đế Đông Dương. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong tỉnh có sự chuyển biến mạnh mẽ, diễn ra liên tục, đều khắp ở cả 3 địa bàn quan trọng: rừng núi, đồng bằng và đô thị.

Đầu năm 1937, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cử phái đoàn do Justin Godart (Giut-tanh Gô-đa) đứng đầu sang Việt Nam tìm hiểu tình hình và việc thi hành các chính sách của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Lợi dụng sự kiện này, Đảng tổ chức quần chúng mít tinh “*đón rước*”, nhưng thực chất là để huy động đông đảo quần chúng đủ các tầng lớp xuống đường biểu dương lực lượng, đòi trả tự do cho tất cả tù chính trị, giải quyết các vấn đề dân sinh, dân chủ; bỏ thuế thân, tự do nghiệp đoàn, tự do ngôn luận.

Ở Quảng Nam, một ban vận động quần chúng đón tiếp Justin Godart được thành lập gồm Phan Bôi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Sơn Trà, Trịnh Quang Xuân...

Phan Bôi được phân công dịch ra tiếng Pháp các tài liệu, đơn từ để trao cho phái bộ Justin Godart. Lê Văn Hiến được giao nhiệm vụ viết hồi ký “*Ngục Kon Tum*” để tố cáo tội ác trong chế độ lao tù của thực dân Pháp. Biết tin công sứ Pháp và tổng đốc Quảng Nam muốn ngăn cản Nhân dân đón tiếp Justin Godart, Trịnh Quang Xuân cùng một số đảng viên cộng sản đã ra Đà Nẵng nhờ Jean Boneau (Giăng Bô-nô, thư ký chi bộ Đảng xã hội Pháp - chi nhánh Đà Nẵng) can thiệp với Đốc lý thành phố để Nhân dân được gặp Justin Godart.

Ngày 22 - 2 - 1937, trước khi phái bộ Justin Godart đến Đà Nẵng, toàn thể công nhân hãng Staca đấu tranh nghỉ việc, yêu cầu chủ tăng lương 30%, ngày làm 8 giờ, đau ốm được lĩnh lương và điều trị, không được đuổi thợ, các ngày lễ và chủ nhật được nghỉ việc. Ngày 28 - 2 - 1937, lúc 14 giờ, Nhân dân Đà Nẵng và các phủ, huyện đổ về thành phố, đứng chật cả hai bên đường từ ga xe lửa xuống dọc bờ sông Hàn đến Tòa Đốc lý. Có đến 5.000 người đứng thành hàng ngũ với nhiều phù hiệu khác nhau. Thợ hớt tóc, thợ may thì đeo phù hiệu có hình chiếc kéo, phù hiệu của thợ đóng giày có hình chiếc giày, công nhân khuân vác có chiếc khăn vải lót trên vai, chị em tiểu thương buộc quai nón màu đen. Khi đoàn xe của Justin Godart đến ngã tư đường Pigneau de Béhaine - Jules Ferry (nay là ngã tư đường Lê Duẩn - Trần Phú) đổ xuống bờ sông Hàn thì quần chúng tràn ra lòng đường giương cao các khẩu hiệu viết bằng chữ đỏ: “*Ủng hộ Mặt trận Bình dân Pháp*”, “*Tự do lập nghiệp đoàn!*”. Quần chúng hô vang: “*Hoan hô Mặt trận Bình dân Pháp*”, “*Hoan hô đặc sứ Justin Godart*”. Đường phố bị tắc nghẽn, Justin Godart phải xuống xe đi bộ. Nhân dân tranh thủ đưa tận tay Justin Godart các đơn từ và các bản yêu sách.

Khi phái bộ và đoàn biểu tình kéo đến trước khách sạn Morin Frères (Mô ranh Phờ-re, nay là khách sạn Bạch Đằng), có 50 tên Tây đầm do tên Tutier (chủ đồn điền Pháp) dẫn đầu, vung tay hô lớn: “*A bas politique de la rue!*”, “*A bas Front populaire!*”, “*A bas les profiteurs!*”, “*A bas Godart!*” (Đả đảo chính trị xuống đường! Đả đảo Mặt trận Bình dân! Đả đảo những kẻ lợi dụng! Đả đảo Gô-đa). Lập tức các ông Phan Bội, Trịnh Quang Xuân áp đảo chúng bằng tiếng Pháp: “*A bas le fascism*” (Đả đảo phát xít), “*Français Front populaire Viva*”

(Mặt trận Bình dân Pháp muôn năm). Cả đoàn biểu tình hưởng ứng hô theo vang trời. Tại Tòa Đốc lý, Justin Godart đã tiếp Phan Bôi ở phòng khách và lịch sự nhận từ Phan Bôi các đơn từ, kiến nghị của dân¹. Đầu tháng 3-1937, Justin Godart đến Vĩnh Trinh và Thi Lai (Duy Xuyên). Quần chúng được tập hợp để gặp Justin Godart nhưng bị tổng đốc Ngô Đình Khôi tìm mọi cách ngăn cản.

Báo Tiếng Dân số 1030 ngày 9 - 3 - 1937, đề cập đến việc quần chúng đón tiếp Justin Godart ở Đà Nẵng đã viết: “*Những nắm tay đưa ra hoan nghênh đại sứ không khác nào một rừng cây trụi lá*”. Phong trào đón Justin Godart vừa nói lên sức mạnh của quần chúng, vừa chứng tỏ khả năng đấu tranh hợp pháp do Đảng lãnh đạo. Quần chúng có dịp biểu dương lực lượng, tôi luyện đấu tranh.

Nhằm mục đích mở rộng lực lượng của Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương và vạch trần chính sách phân động của bọn thực dân và tay sai, bên vực quyền lợi của Nhân dân lao động. Nhân việc Viện Dân biểu Trung Kỳ tổ chức bầu cử khóa III (8 - 1937), Đảng vận động để đưa người của Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương ra ứng cử, đồng thời sử dụng báo chí để tuyên truyền, vận động cử tri bỏ phiếu cho những ứng viên của Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương. Ở hạt Đại Lộc - Hòa Vang có hai người ứng cử là Phan Thanh (người của cách mạng) và Nguyễn Quốc Túy - tay chân của thực dân đế quốc. Phan Thanh quê ở Điện Bàn, từng viết báo “*Tiếng chuông rền*”, là một thầy giáo có tài, thông minh, giỏi tiếng Pháp, đang dạy học ở trường Thăng Long (Hà Nội) và có chân trong chi nhánh Đảng xã hội Pháp ở Hà Nội.

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 114.

Hiệu sách Việt Quảng (Đà Nẵng) do Thái Thị Bôi làm chủ hiệu đã công khai cổ động cho Phan Thanh. Học sinh trường Mỹ Hòa ở Đại Lộc phân công nhau nhặt hết truyền đơn cổ động cho Nguyễn Quốc Túy của địch và phát rộng rãi truyền đơn cổ động Phan Thanh đến tận gia đình các cử tri. Ở Hòa Vang, ngày bầu cử có lính canh gác nghiêm ngặt nhưng vẫn có băng cổ động Phan Thanh treo trước huyện đường. Kết quả là Phan Thanh đã giành thắng lợi vào Viện Dân biểu Trung Kỳ với đa số phiếu áp đảo.

Cùng thời gian này, rất nhiều báo chí công khai do Đảng chỉ đạo như *Tiến lên*, *Tin tức*, *Tiền phong*, *Lao động*, *Bạn dân* được phổ biến rộng rãi ở Quảng Nam, đông đảo các tầng lớp Nhân dân được giác ngộ về con đường cách mạng. Hiệu sách mọc lên ở nhiều nơi. Từ chỗ ban đầu là hiệu sách do Thái Thị Bôi đứng làm chủ hiệu đóng ở đường Quai Courbet (Bạch Đằng, Đà Nẵng hiện nay) dần dần trở thành hiệu sách Việt Quảng nổi tiếng. Việt Quảng trở thành trung tâm đại lý sách báo cách mạng trong tỉnh, thu hút nhiều khách hàng ở khắp các phủ, huyện. Nhiều sách báo tiến bộ, kể cả sách báo Mác - Lênin được giới thiệu công khai. Các nhóm thanh niên dân chủ ở các phủ, huyện hăng hái chuyền tay nhau và tổ chức đọc sách báo cách mạng. Thanh niên tranh luận duy tâm hay duy vật, tổ chức những đám cưới tiến bộ, ít tốn kém, chép tay cho nhau những bài thơ cách mạng... Ngoài ra, cán bộ của Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương còn vận động Nhân dân đi học truyền bá quốc ngữ. Trường Thành chung mở ở Đà Nẵng thu hút được nhiều người theo học bậc trung học miễn phí. Ban đêm có các lớp truyền bá quốc ngữ do các đảng viên cộng sản như Trần Tổng, Nguyễn Xuân Nhĩ, Nguyễn Đức Thiệu..., trực tiếp giảng dạy.

Cạnh đó, việc xuất hiện và hoạt động của các nghiệp đoàn, các hội tương tế đã làm cho cuộc vận động dân chủ thêm sinh động. Ngày 12 - 12 - 1937, Ủy ban lâm thời Hội ái hữu thợ may Đà Nẵng được thành lập, đóng trụ sở ở đường Đỗ Hữu Vị (nay là đường Hoàng Diệu). Mặc dù bị chính quyền thực dân ngăn cản nhưng công nhân khuân vác các hãng buôn Đà Nẵng, thợ đóng giày, bồi bếp, công nhân các công sở..., đấu tranh mạnh mẽ đòi lập nghiệp đoàn. Các hội ái hữu thợ giặt, thợ nhà đèn, lái xe..., hình thành, bất chấp sự cấm đoán của Tòa Đốc lý. Đặc biệt, Hội ái hữu của công nhân khuân vác Đà Nẵng hoạt động rất sôi nổi, thu hút hàng ngàn hội viên tham gia. Họ giúp đỡ nhau khi có ma chay, cưới hỏi, phát triển tình hữu ái giai cấp, chống chủ lợi dụng gây chia rẽ giữa công nhân với nhau. Ngoài Đà Nẵng, Hội ái hữu cũng được xây dựng ở hầu hết các địa phương trong tỉnh. Ở Hội An có các hội ái hữu thợ may, thợ mộc. Điện Bàn có hội ái hữu của anh chị em hát tuồng. Duy Xuyên có hội ái hữu thợ dệt. Quế Sơn có nhóm phụ nữ tân tiến. Thông qua hoạt động của các hội ái hữu, Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương các cấp thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục tinh thần đoàn kết, đấu tranh cách mạng.

Tháng 2 - 1938, Thái Thị Bôi - chủ hiệu sách Việt Quảng qua đời vì lâm bệnh nặng. Đám tang của bà đã gây nhiều niềm thương tiếc trong Nhân dân. Các đoàn đại biểu từ các phủ huyện về dự tang lễ mang theo vòng hoa có dòng chữ “*Vết thương tâm*”. Quan tài của bà được ông Trần Văn Cung cùng nhiều đảng viên cộng sản khiêng tay từ nhà ra đến đường trong không khí trang nghiêm và xúc động. Hơn 600 người dự lễ tang, có cả Jean Boneu (thư ký của SFIO), nhiều Ân kiều với rất nhiều vòng hoa. Từ Huế, cụ Phan Bội Châu đã gửi một bài

văn phú thương tiếc người con gái đất Quảng kiên cường. Đám tang Thái Thị Bôi vừa thể hiện niềm yêu thương của cách mạng đối với bà, vừa là sự biểu dương thanh thế chính trị của quần chúng trước bọn thực dân và tay sai.

2. Các đoàn thể quần chúng tiếp tục hướng dẫn Nhân dân đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ trong thời kỳ Đảng lãnh đạo Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1938 - 1939)

Từ ngày 29 đến ngày 30 - 3 - 1938, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương quyết định lập Mặt trận Thống nhất Dân chủ Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận Dân chủ Đông Dương), thay cho Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương, xem đây là một trong những nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại. Nghị quyết Hội nghị còn đề ra nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể đẩy mạnh công tác vận động, giác ngộ quần chúng tham gia các tổ chức, đoàn thể như công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ... Hội nghị quyết định tổ chức ra một đoàn thể của thanh niên vừa có tính chất chính trị vừa có tính chất quần chúng rộng rãi với tên gọi là: “*Thanh niên Tân tiến Hội*” để thay cho “*Thanh niên Cộng sản Đoàn*”¹.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Đảng bộ tỉnh chủ trương sử dụng nhiều hình thức tổ chức mới một cách khôn khéo, linh hoạt, tận dụng khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tập hợp lực lượng rộng rãi hơn, mở rộng phong trào hơn nữa. Nhiều quyết định về tổ chức đã được thực hiện, các hình thức tổ chức như Nghiệp đoàn, Hội cấy, Hội lợp nhà, Hội ái hữu được phát triển rộng khắp, tập hợp đông đảo quần chúng vì những mục tiêu cụ thể, thiết thực. Để phù hợp với tên gọi mới của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, các tổ chức thành

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng 1930 - 1975*, trang 200.

viên của Mặt trận Dân chủ Đông Dương các cấp ở tỉnh cũng được đổi tên: Đoàn Thanh niên dân chủ được lập ra để thay thế cho Thanh niên cộng sản Đoàn, Công hội thay cho Công hội đỏ, Nông hội thay cho Nông hội đỏ, Hội Phụ nữ dân chủ thay cho Hội Phụ nữ giải phóng, Cứu tế bình dân thay cho Cứu tế đỏ...

Giữa năm 1938, Khâm sứ Trung Kỳ và Chính phủ Nam triều yêu cầu Viện Dân biểu Trung Kỳ thông qua dự án tăng thuế đánh vào dân nghèo và tầng lớp trung sản, nhưng lại đánh thuế nhẹ với người giàu. Trước tình hình đó, thông qua Mặt trận Dân chủ Đông Dương, Đảng chủ trương lãnh đạo Nhân dân đấu tranh chống dự án tăng thuế. Cuộc đấu tranh đã diễn ra sôi nổi cả trong và ngoài Viện Dân biểu Trung Kỳ.

Trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng, từ tháng 3 đến tháng 9 - 1938, nhiều nơi các tổ chức thành viên của Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã tích cực vận động công nhân, nông dân cùng với tiểu thương, tiểu chủ đấu tranh đòi giảm thuế môn bài, tổ chức bãi công, bãi thị, phản đối thu thuế quá nặng và thái độ hách dịch của bọn thu thuế... Ở Đà Nẵng, bên cạnh việc anh em xe kéo bãi công, chị em tiểu thương chợ Hàn bãi thị đòi giảm thuế, đòi tự do lập hội, buộc Đốc lý Valet hạ mức thuế từ 7,5 đồng xuống còn 2,5 đồng; các tầng lớp Nhân dân còn cử 5 đoàn đại biểu gặp nghị viên Quang Cự, nhờ chuyển đạt nguyện vọng của dân lên Viện Dân biểu Trung Kỳ. Tại Hòa Vang, lý trưởng làng Tân Hạnh đã vận động các hào lý tổng Thanh An cùng ký vào đơn chống dự án tăng thuế. Ở Duy Xuyên, nhân dịp nghị viên Đỗ Phiên ghé Trà Kiệu, 150 đồng bào các vùng lân cận đã đến gặp bày tỏ nguyện vọng đòi giảm thuế điền thổ, giảm xâu công ích; tiểu thương, tiểu chủ làm đơn, lấy chữ ký

chống thuế môn bài, thuế khung cửi quá nặng. Ở Điện Bàn, chị em tiểu thương đòi giảm thuế môn bài; bà con buôn bán ở chợ Đông Quang đòi chủ thầu phải niêm yết công khai biểu thuế và thu thuế đúng tỷ lệ. Ở Đại Lộc, ta vận động lý trưởng Trương Khoảnh và các lý trưởng khác đứng ra chống dự án tăng thuế. Ở Tam Kỳ, Nhân dân đến gặp nghị viên Nguyễn Quý Hương đưa nguyện vọng đòi sửa đổi lệ Thương chánh phạt thuốc lá, miễn thu thuế đối với số đất có diện tích thước đất lẻ trong trích lục, bỏ các loại thuế lò rèn, bộng ép dầu, cắt tóc, trừng phạt bọn những lạm, sách nhiễu Nhân dân trong việc đo ruộng đất, đòi các lớp học thu nhận con em nông dân vào học...Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của đồng bào Vạn Rỗi, xóm Cồn Sụp kéo dài hàng tuần phản đối bọn thầu thu thuế chợ quá nặng, đòi giảm thuế và chống thái độ hách dịch của viên thu thuế. Cuộc đấu tranh đạt kết quả thắng lợi, buộc chính quyền giảm thuế và thay đổi nhân viên thu thuế. Học sinh trường tiểu học Pháp - Việt (Tam Kỳ) đồng ký đơn đòi giảm thuế và gửi đi các nơi để cổ động lấy chữ ký gửi lên Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ Hoàng Văn Khải. Tại Tiên Phước, nhiều lý trưởng có tư tưởng tiến bộ cùng viết đơn gửi lên Viện Dân biểu. Riêng lá đơn của xã Thụy ở làng Cẩm Y đã có hơn 100 chữ ký của đại diện các tầng lớp Nhân dân.

Cùng với Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế, cuộc đấu tranh chống dự án tăng thuế cũng nổ ra khắp các tỉnh miền Trung đã gây sức ép lên cuộc đấu tranh trên bàn nghị viện. Tại cuộc họp của Viện Dân biểu Trung Kỳ ngày 16 - 9 - 1938, được sự hỗ trợ của phong trào quần chúng và báo chí hợp pháp, nhất là sự ủng hộ của các nghị viên tiến bộ, đứng đầu là Viện trưởng, phó Viện trưởng Hoàng Văn Khải và Hoàng Đức Trạch. Phan Thanh đã tỏ rõ là một nghị viên xuất sắc của Mặt trận Dân chủ

Đông Dương. Với khả năng tiếng Pháp, với tài hùng biện, sự lập luận chặt chẽ, lôgic, Phan Thanh đã công khai chỉ trích, phê phán sự bất công của dự án tăng thuế, bênh vực lợi ích của Nhân dân. Các nhà báo dự họp nhất loạt vỗ tay tán thưởng Phan Thanh làm tên Khâm sứ Trung Kỳ bẽ mặt. Kết quả đa số nghị viên trong Viện Dân biểu Trung Kỳ đã nhất trí bác bỏ dự án tăng thuế của chính quyền thực dân và Nam triều, như báo France Annam đã đưa tin: “*Nghị án thuế, đa số nghị viện không tán thành*”.

Sau phiên họp ngày 16 - 9 - 1938, Phan Thanh được Viện Dân biểu Trung Kỳ cấp giấy phép để báo cáo thắng lợi chống dự án tăng thuế tại Đà Nẵng. Chính quyền thực dân cố tình ngăn cản, gây khó khăn, nhưng trước quần chúng đông đảo, buổi nói chuyện kết thúc vào lúc nửa đêm trong tiếng vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt của những người tham dự. Phan Thanh là một trong hai dân biểu của Mặt trận Dân chủ Đông Dương giành được số phiếu cao nhất của Viện Dân biểu Trung Kỳ trong việc cử người vào Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.

Cuộc đấu tranh thắng lợi bác bỏ dự án tăng thuế ở Viện Dân biểu Trung Kỳ đã có tiếng vang lớn, từ đó ảnh hưởng của Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã tăng lên rất nhiều. Phát huy thắng lợi, tháng 10 - 1938, Tỉnh ủy và Mặt trận Dân chủ Đông Dương phát động quần chúng Nhân dân làm đơn, lấy chữ ký rộng rãi ở các phủ, huyện gửi lên Viện Dân biểu Trung Kỳ yêu cầu can thiệp huỷ bỏ dự án thuế lần 2. Ở Điện Bàn, Nhân dân tham dự mít tinh kịch liệt phản đối và coi dự án thuế của bọn thực dân Pháp ở Trung Kỳ là dự án giết người. Nhân dân Quý Sơn, Tam Kỳ..., đồng loạt ký đơn đòi bỏ dự án tăng thuế. Nét nổi bật của cuộc đấu tranh lần này là không chỉ có sự tham gia

của đông đảo Nhân dân, mà còn có cả một số lý trưởng, chánh tổng cùng ký tên, đóng dấu vào đơn chống thuế.

Cùng thời gian này, ở một số nơi, do tác động của sách báo công khai và ảnh hưởng của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, quần chúng tự đứng ra tổ chức các nhóm biến tướng. Phủ, huyện nào có phong trào thì mỗi xã ít nhất cũng có một hay hai nhóm biến tướng, mỗi nhóm có từ 5 đến vài chục người. Một số nhóm có qui ước hoặc chương trình, điều lệ, có qui định họp thường kỳ. Có nhóm không hội họp, nhưng khi có việc thì trao đổi với cốt cán để phổ biến lại cho hội viên. Tên của nhóm thì thường là do tính chất sinh hoạt, công việc làm ăn mà gọi như vòng công, cứu hỏa, lương bằng, trợ tang, tương tế, đồng môn, hộ sinh, đồng dân, đồng canh, đọc sách, đi cỏ, đi tranh củi, làm biển, nuôi heo, đi săn, xây giếng, đá bóng... Có những nhóm có dáng dấp riêng biệt: Đại Lộc có nhóm tắm sông buổi sáng, Hội An có hội hiếu học, Quế Sơn có hội chống cờ bạc, Tam Kỳ có hội trồng dương liễu... Hội viên lúc gặp khó khăn, tai nạn, nghèo túng có hội giúp đỡ công, của nên đỡ vay mượn tốn kém. Hội gây quỹ bằng lạc quyên, có nơi hội viên đi gặt lấy tiền công hoặc chung nhau lãnh ruộng hoang của làng cày cấy để gây quỹ. Sự hình thành các tổ chức biến tướng ở nông thôn là chỗ dựa quan trọng để Đảng và Mặt trận Dân chủ Đông Dương nắm lực lượng chính trị, làm hậu thuẫn cách mạng. Các cuộc lạc quyên giúp 360 gia đình bị cháy nhà ở Trà Kiệu, ủng hộ các cuộc đình công của thợ thuyền, gửi quà tặng tù chính trị ở Vĩnh Điện, Hội An, ủng hộ quỹ Đảng..., đều do các tổ chức biến tướng huy động hội viên đóng góp.

Phối hợp với các cuộc đấu tranh của công nhân, phong trào đấu tranh chống xâm thuế, chống cường hào hà hiếp, chống

cướp đoạt ruộng đất công, đòi cải cách xã hội, văn hóa ở nông thôn như đổi mới một số tục lệ cũ gây phiền hà, chi tiêu tốn kém, giảm ăn uống linh đình trong lễ cưới hỏi và việc cúng tế ở đình làng, miếu xóm..., của nông dân diễn ra sôi nổi ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn. Đặc biệt có nơi Nhân dân còn sử dụng cả bạo lực cách mạng để chống lại chính quyền sở tại, ngay cả tri phủ Điện Bàn Phạm Như Phiên cũng bị nông dân Trà Nhiêu (Duy Xuyên) chặn đánh trong vụ kiện bọn hào lý chiếm đất bồi tại bãi Thanh Châu (Cẩm Thanh, Hội An) vào cuối năm 1938.

Đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi phía tây Quảng Nam bỏ bản làng vào núi sâu, tổ chức đánh Tây. Năm 1938, tại Trà My, dưới sự chỉ huy của ông Điền, ông Đức¹, đồng bào tiếp tục nổi dậy hưởng ứng phong trào “*Nước Xu*”², hay “*Nước Xu đồng*”, tổ chức sôi nổi nhiều cuộc đánh Pháp. Tiêu biểu như ở làng Tu Du (xã Trà Cang hiện nay) của đồng bào Cadong, thủ lĩnh Xen Đung đã hướng dẫn người già, phụ nữ, trẻ em cắm chông, đặt bẫy, dựng chướng ngại vật quanh làng, đồng thời bố trí thanh niên phục kích tại Non Đoan, vì vậy khi thực dân Pháp mở cuộc hành quân càn quét vào làng, lập tức vấp phải sự chống trả quyết liệt của đồng bào, buộc chúng phải tháo chạy về đồn

1. Đây là 2 anh em ruột, cha là người Kinh (ông Quế), quê ở Quảng Ngãi, mẹ là người Xêđăng quê ở Non Dắt. 2 ông sinh ra và lớn lên ở quê mẹ, trong một gia đình rất giàu và có thế lực ở Non Dắt, sống và lao động theo phong tục, tập quán của người Xêđăng.

2. Những người tham gia phong trào này tin rằng nước phép do Sămbrăm - một người Chăm ở Tây Phú Yên, lấy từ con suối linh thiêng, mua bằng xu đồng, ai uống vào thì đạn Pháp bắn vào không thủng. Việc mua nước phép bằng xu đồng để tính số lượng người tham gia phong trào. Năm 1937, phong trào “*Nước xu*” lan ra nhiều tỉnh ở Tây Nguyên, hai anh em ông Điền, ông Đức lên Kon Tum liên hệ với Kay Riêm, Kay Tum đổi “*Nước xu*” về bán lại cho Nhân dân trong vùng, từ đó đẩy lên phong trào chống Pháp sôi nổi ở Trà My.

Trà My. Cùng thời gian này, đồng bào tổ chức mai phục tại Dốc Dược, đánh bại một cánh quân khác của địch, một số tên bị tiêu diệt tại chỗ, trong đó có 1 tên sĩ quan chỉ huy Pháp, quân địch phải bỏ dở cuộc hành quân, tạm lui về Nước Xa. Chiến thắng Dốc Dược (1938) là một chiến công lớn của phong trào “*Nước Xu*” ở Trà My, có ý nghĩa lịch sử lớn, bước đầu làm phá sản kế hoạch mở rộng địa bàn chiếm đóng lên vùng cao của địch, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số vào khả năng đánh thắng thực dân Pháp bằng vũ khí thô sơ. Tại Nam Giang, cuối tháng 2-1939, được tin tên Lopixông - một sĩ quan Pháp chỉ huy dẫn 20 lính khố xanh càn quét lên Laêê. Nhóm thanh niên làng Hhngoh do Trgia đứng đầu đã chọn khu vực núi Conconeng để xây dựng trận địa phục kích đánh địch. Ở đây địa thế rất hiểm trở, địch phải vượt qua nhiều ghềnh đá cheo leo mới đến được Laêê. 10 giờ sáng, địch lọt vào trận địa phục kích của ta, Trgia cùng đồng đội từ trong các hốc đá, dùng ná bắn tên tẩm thuốc độc tấn công địch. Cuộc chiến đấu anh dũng của Trgia và những thanh niên yêu tự do của núi rừng Nam Giang đã giành được thắng lợi rất quan trọng, tiêu diệt và làm bị thương 5 tên, buộc chúng phải bỏ dở cuộc càn quét. Sau trận này, uy tín của Trgia được lan rộng đến vùng Đakchung của Lào, 13 bản làng với trên 1.000 dân theo Trgia về Paná làm lễ ăn mừng chiến thắng, thành lập làng đoàn kết chống giặc Pháp.

Tháng 5 - 1939, nhân cơ hội thực dân Pháp mở hội chợ ở Hội An, Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức một gian hàng đặc biệt tại hội chợ để cổ động, phát huy thanh thế cách mạng ra khắp các phủ huyện, nhằm tiến tới thành lập các đoàn thể công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ ở cấp tỉnh. Ban chấp hành nghiệp đoàn và Đoàn Thanh niên Dân chủ Hội An mua mặt bằng, bố trí

người thu gom hàng, trang trí và đứng bán hàng. Do khéo trang trí, “gian hàng đặc biệt” của cách mạng nổi bật hơn các gian hàng khác, thu hút sự chú ý của nhiều người. Các mặt hàng như khăn, gối đều được thêu nổi các dòng chữ “*đả đảo cường quyền*”, “*đả đảo chiến tranh*”, “*ủng hộ hòa bình*”, “*thực hiện dân chủ bình đẳng*”... Những chiếc bánh tổ có in đậm những dòng chữ “đoàn kết” “*thân ái*”, “*tự do*”, “*dân chủ*”, “*hạnh phúc*”...Khách hội chợ gồm dân Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Thăng Bình, Quế Sơn..., tập trung đến xem rất đông và mua quà lưu niệm, qua đó ta đã tuyên truyền sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng đến với quần chúng.

Phát hiện có dấu hiệu tuyên truyền cách mạng tại gian hàng của ta, ngay lập tức bọn mật thám đến tịch thu hàng hóa trưng bày. Tuy “*gian hàng đặc biệt*” chỉ tồn tại một thời gian ngắn song để lại ấn tượng sâu sắc trong dư luận về đường lối của Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Cũng trong tháng 5 - 1939, được tin Phan Thanh tù trần. Theo chủ trương của Đảng, các chi bộ Đảng, Đoàn Thanh niên dân chủ, Công hội, Nông hội, Hội Phụ nữ dân chủ, Cứu tế bình dân cùng các tổ chức biến tướng vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia lễ truy điệu nhà trí thức cách mạng. Trưa ngày 29 - 5 - 1939, trên quê hương Phan Thanh đã có trên 300 người dân tập trung về chợ Bảo An (Điện Bàn) để dự lễ. Tưởng niệm Phan Thanh, Tỉnh ủy có những vần thơ đối trang trọng:

Là nghị viên đặc lực
Là chiến sĩ tận tâm,
Trang sử tương lai
Tên bạn viết to hàng chữ trước.

*Vì hạnh phúc hoà bình,
Vì lợi quyền dân chúng,
Con đường tranh đấu
Hôn anh nâng mạnh bước người sau.*

Đọc những vần thơ ấy, mọi người xúc động nghĩ đến người chiến sĩ tài năng, dũng cảm, đức độ đã không còn nữa. Lễ truy điệu Phan Thanh còn được tổ chức ở Tam Kỳ, Đà Nẵng. Riêng ở Tam Kỳ, ngoài việc huy động 30 người ra dự lễ truy điệu ở Điện Bàn, còn tổ chức lễ truy điệu Phan Thanh tại các điểm bãi Bà Tình, Xuân Quang (nay thuộc huyện Núi Thành), Quảng Phú, Xóm Rỗi, Cồn Sụp (Tam Kỳ), mỗi nơi có hàng trăm người dân đeo sắn băng tang đến dự lễ.

Phan Thanh mất, trên mặt trận đấu tranh công khai, hợp pháp, Đảng mất đi một nhân vật tiêu biểu cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Để bù đắp sự tổn thất này, Đảng quyết định đưa Đặng Thai Mai - một trí thức lớn, con cụ Đặng Thái Thân - một nhà yêu nước nổi tiếng đã bị địch bắt và đem chém ở Vinh vào Quảng Nam ứng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ để thay Phan Thanh. Cũng vào thời gian này, tên Khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ chỉ thị cho Tổng đốc Ngô Đình Khôi đưa Lê Huân ra tranh cử và bằng mọi cách phải làm cho Đặng Thai Mai thất cử. Nhân dân Quảng Nam đã dùng vé, tuồng để cổ vũ, vận động bầu cho những người được Đảng và Mặt trận Dân chủ Đông Dương giới thiệu. Kết quả, Đặng Thai Mai đắc cử một cách vẻ vang, với số phiếu nhiều hơn dự kiến. Báo “*Đời Nay*” xuất bản ở Hà Nội (số 33 ra ngày 3 đến ngày 10 - 8 - 1939) đưa tin về cuộc bầu cử nghị viên thay thế Phan Thanh ở Quảng Nam: “*Mười giờ sáng ngày 31- 7 - 1939, chúng tôi nhận được bức điện của anh em Tourane (Đà Nẵng) đánh ra như sau: Mặc dù bị đàn áp, nhờ có sự giác*

ngộ chính trị rất cao của cử tri, đồng chí Đặng Thai Mai của chúng ta trúng cử thay anh Phan Thanh 884 phiếu, chống với 708 phiếu của Candidat (Căng-đi-đa) ứng cử viên Chính phủ. Cuộc tuyển cử hết sức gay go, cảm động vô cùng". Sự kiện này là một thắng lợi của Mặt trận Dân chủ Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng trên đất Quảng Nam.

Cho thấy thời kỳ 1936 - 1939, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua chương trình của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, phong trào dân chủ ở Quảng Nam không chỉ diễn ra sôi nổi ở thành thị mà cả ở nông thôn, có tác dụng cách mạng hóa quần chúng từ thấp đến cao. Các cuộc vận động của Đảng và Mặt trận Dân chủ Đông Dương đều được đông đảo các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng, tham gia cả bí mật lẫn công khai, kết hợp giữa đấu tranh trực diện ở nghị trường với phong trào ở khắp các phủ huyện, xã, góp phần tạo ra khí thế mới và trận địa mới cho cao trào cứu nước lớn trong những năm tiếp theo, chuẩn bị giành chính quyền.

III. MẶT TRẬN THỐNG NHẤT DÂN TỘC PHẢN ĐẾ ĐÔNG DƯƠNG VÀ MẶT TRẬN VIỆT MINH TỈNH QUẢNG NAM TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 - 1945)

1. Thực hiện chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng của Đảng, xúc tiến thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương, đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng (1939 - 1941)

Ngày 1-9-1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ cánh tả ở Pháp đổ, bọn tư bản phản động Pháp ra lệnh giải tán Đảng Cộng sản Pháp. Ngày 28 - 9 - 1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, thi

hành chính sách thời chiến trên toàn Đông Dương. Tiếp đến, ngày 5 - 10 - 1939, vua Bảo Đại ban hành Dự cấm dân hội họp, tuyên truyền cộng sản. Các sự kiện đó đã tác động trực tiếp đến tình hình Đông Dương.

Thực dân Pháp một mặt thi hành chính sách thời chiến, trắng trợn phát xít hoá bộ máy thống trị, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Hàng ngàn vụ khám xét, bắt bớ đã diễn ra khắp nơi, lệnh “*tổng động viên*” được ban bố cùng với chính sách “*kinh tế chỉ huy*” được thi hành nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của ở thuộc địa để cung ứng cho cuộc chiến tranh đế quốc. Chính sách phản động trên của thực dân Pháp đã đẩy Nhân dân ta vào cảnh sống ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và tay sai càng trở nên gay gắt hơn.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 6 đến ngày 8 - 11 - 1939, Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, họp tại Bà Điểm (huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh ngày nay) đã phân tích diễn biến chiến tranh, tình cảnh các giai cấp, tầng lớp Nhân dân Đông Dương, từ đó xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc ở Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đây là sự chuyển hướng quan trọng nhất về chỉ đạo chiến lược. Để phù hợp với sự chuyển hướng đó, khẩu hiệu cách mạng cũng thay đổi. Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, chống lãi nặng. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công, nông, binh được thay thế bằng khẩu hiệu lập chính quyền dân chủ cộng hòa.

Về phương pháp cách mạng, chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp.

Đề tập trung mọi lực lượng của dân tộc vào nhiệm vụ chủ yếu là chống chiến tranh đế quốc và ách thống trị phát xít thuộc địa, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương không còn phù hợp trong tình hình và nhiệm vụ mới.

Lực lượng tham gia Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương bao gồm tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phân tử phản đế muốn giải phóng dân tộc, thực hiện Đông Dương hoàn toàn độc lập với quyền dân tộc tự quyết. Lực lượng đó bao gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trung, tiểu địa chủ. Hội nghị nhấn mạnh hai nhân tố cơ bản của Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương là công nông là lực lượng chính và do giai cấp công nhân lãnh đạo. “*Sự đồng minh chặt chẽ của công nông là vấn đề sống chết của cách mệnh*”¹.

Tuy nhiên, chủ trương mới của Đảng vừa phổ biến đến một số cán bộ chủ chốt trong Tỉnh ủy Quảng Nam, nhưng chưa kịp chuẩn bị thì thực dân Pháp điên cuồng đàn áp cách mạng, các tổ chức cơ sở Đảng trong tỉnh bị vỡ, hầu hết Tỉnh ủy viên bị sa vào tay giặc. Các tổ chức thành viên của Mặt trận như Đoàn Thanh niên dân chủ, Công hội, Nông hội, Hội Phụ nữ dân chủ, Cứu tế bình dân cùng các tổ chức biến tướng, mặc dù đã phát triển thêm được một số cơ sở, nhưng vẫn hoạt động theo

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, Nxb. Giáo dục, trang 806.

phương châm cũ, lúng túng chưa biết cách chuyển hướng tổ chức và hoạt động, nên địch tập trung bắt bớ gây bể vỡ ở một số nơi. Mặt khác, chúng bắt hàng ngàn thanh niên trong tỉnh đưa đi tập luyện cấp tốc ở Chiêm Sơn (Duy Xuyên) rồi đưa sang Pháp làm lính phục vụ chiến tranh; bắt Nhân dân bán dầu, bán lúa với giá rẻ mạt, quy định mỗi gia đình chỉ để lại lúa gạo đủ ăn, còn thừa thì phải bán cho chúng. Các sắc thuế cũ tăng lên rất cao. Ngoài ra, người dân còn phải chịu thuế cư trú, thuế đảm phụ quốc phòng và hàng chục thứ thuế mới. Thêm vào đó, nạn đầu cơ, lạm phát hoành hành, giá cả tăng vọt..., làm cho đời sống các tầng lớp Nhân dân, nhất là nông dân lâm vào cảnh bần cùng, điêu đứng, do đó Nhân dân càng căm ghét đế quốc, phong kiến, hướng về cách mạng.

Ngày 6 - 1 - 1940, chính quyền thống trị mở phiên toà xét xử cộng sản. Ngay tại vành móng ngựa của toà án thực dân cũng là nơi để các chiến sĩ cộng sản thể hiện tư tưởng, hành động yêu nước và tiến công địch về mặt tư tưởng. Tại phiên toà xét xử của thực dân, phong kiến ở Quảng Nam, những người cộng sản bị kết án là “*đã lập hội kín lật đổ chính phủ*”. Khi trả lời câu hỏi của viên chánh án “*Có người nào xin ân giảm không?*”, ông Trần Tổng dũng dạc: “*Là người dân mất nước, mất tự do, chúng tôi phải tổ chức lực lượng cách mạng để giành lại độc lập cho dân tộc. Là những chiến sĩ yêu nước, chúng tôi chẳng có tội tình gì cả, nên chẳng cần phải van xin ai cả! Chính các ông và triều đình Huế làm tay sai cho Pháp mới là kẻ có tội! Đảng Cộng sản kiên quyết đánh đổ chế độ các ông!*”.

Và ngay tại phiên toà, các chiến sĩ cộng sản đồng thanh hát vang bài ca cách mạng đã được chuẩn bị trước trong nhà lao:

*“Guom mài đi, phát cò lên!
Đông tâm công nông ta ra sức
Mau xông tới cướp lấy chính quyền!
Cùng nhau ta lướt tới xung phong
Mau, mau, mau!”*

Tiếng hát đã làm cho trên 200 đồng bào tham dự phiên toà hết sức phấn khởi, đồng thời có tác dụng cổ vũ đông đảo Nhân dân trong tỉnh hướng về đường lối giải phóng dân tộc của Đảng.

Tháng 3 - 1940, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam được lập lại do ông Võ Toàn (Võ Chí Công) làm Bí thư. Tháng 10 - 1940, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng được tổ chức tại chùa Hang, phủ Tam Kỳ, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ chính thức do ông Hồ Ty làm Bí thư. Trên cơ sở tiếp thu đường lối giải phóng dân tộc của Trung ương, Hội nghị đã đề ra một số nhiệm vụ trước mắt: Quán triệt nhiệm vụ hàng đầu là giải phóng dân tộc, củng cố tổ chức Đảng, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, ra tờ báo “*Khởi Nghĩa*” để đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (11 - 1940). Đối với các tổ chức quần chúng, Hội nghị quyết định chuyển tất cả thành Hội Phản đế, ra sức phát triển hội viên. Hội nghị Chùa Hang là một cột mốc quan trọng của Quảng Nam trên đường đi đến thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

Sau hội nghị Chùa Hang, tờ báo “*Khởi Nghĩa*” ra được hai số, được phân phát tận cơ sở. Nhiều hình thức động viên quần chúng chống đế quốc, giành độc lập dân tộc được phát động mạnh mẽ. Ở Tam Kỳ có tranh cổ động vẽ hình công nhân và nông dân cùng ra sức đập vỡ xích xiềng đế quốc. Các tổ chức quần chúng có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn. Hội

Công nhân phản đế tổ chức thành từng nhóm nhỏ gồm những cá nhân tích cực, cùng ngành nghề để tiện việc truyền đạt và đối phó kịp thời khi có báo động trong công nhân khuôn vác, công nhân hòa xa... Hội Nông dân phản đế đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, xây dựng tổ chức bí mật, lựa chọn những hội viên và quần chúng tích cực để giới thiệu vào Đảng. Ngày 1 - 5 - 1940, Hội Nông dân phản đế Tam Kỳ bí mật vận động nông dân đến dự kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động. Tháng 8 - 1940, Hội Nông dân phản đế Điện Bàn vận động hơn 100 nông dân hợp pháp đi viếng cảnh chùa Non Nước, nhân đó tổ chức mít tinh tuyên truyền về cách mạng. Đoàn Thanh niên phản đế ở Tam Kỳ vận động thanh niên tổ chức đám cưới theo nếp sống mới, qua mừng cô dâu chú rể có dòng chữ "*Chung tât biển Đông*"... Phong trào phụ nữ một số nơi được củng cố, phát triển, số hội viên nữ và chị em cảm tình cách mạng ngày càng đông hơn nhưng chưa được đều khắp. Đặc biệt, tại tổng Thuận An (Quế Sơn), thời gian này ta đã thành lập được Hội Phụ nữ phản đế...

Tuy nhiên, trong lúc phong trào cách mạng đang dần hồi phục thì tháng 9 - 1940, Nhật kéo vào Lạng Sơn, thực dân Pháp thoả hiệp với phát xít Nhật cùng thống trị Đông Dương, Nhân dân ta phải chịu cảnh một cổ hai tròng, nhất là nông dân họ bị tước đoạt đến hạt gạo mà họ năm nắng, mười sương mới kiếm được, hay mảnh vải mà họ phải thức khuya dậy sớm để dệt thành, họ sống cầm hơi với hóp cháo nhạt và trần mình chịu rét lúc đêm đông.

Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương lâm thời được triệu tập từ ngày 6 đến ngày 9 - 11 - 1940 tại làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã tập trung làm

sáng tỏ những nội dung, nguyên tắc cơ bản và phương thức tổ chức, hoạt động của Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương và các tổ chức đoàn thể quần chúng. Phê phán, uốn nắn những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác tổ chức, vận động quần chúng. Hội nghị chỉ rõ: Một số nơi sao nhãng tổ chức Công hội, Nông hội hoặc chỉ chú trọng lập các hội phản đế cứu quốc nhưng lại chưa thành lập được Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế. Hội nghị khẳng định lại nguyên tắc căn bản để thành lập Mặt trận: Sự liên minh của công nông là xương sống của Mặt trận, do đó Công hội và Nông hội cần phải mở rộng. Cùng với Đảng, các tổ chức ấy phải làm cơ sở cho Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế.

Chiến thuật của Đảng là tập trung mọi lực lượng phản đế, phản phong ở Đông Dương thành một Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế để đánh đổ bọn đế quốc và các hạng tay sai của chúng. *“Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế là sự liên minh giữa các lực lượng cách mạng phản đế không phân biệt giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo với mục đích là thực hiện thống nhất hành động giữa các lực lượng ấy đặng tranh đấu tiến lên vũ trang bạo động đánh đổ đế quốc Pháp - Nhật và các lực lượng phản động ngoại xâm, diệt trừ phong kiến và các hạng phản bội quyền lợi dân tộc, làm cho Đông Dương được hoàn toàn giải phóng”*¹.

Về cơ cấu, thành phần của Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế bao gồm: Đảng Cộng sản Đông Dương, các hội phản đế và các đội tự vệ. Nơi nào có ba đoàn thể phản đế trở lên là nơi ấy phải thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế của địa phương ấy.

1. Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, trang 808 - 809.

Cùng với việc chỉ rõ phương thức lãnh đạo của Đảng và phương pháp tuyên truyền, cổ động của Mặt trận, Hội nghị nêu rõ: Muốn thực hiện Mặt trận và mở rộng nó không gì bằng tổ chức những cuộc liên hiệp hành động, liên hiệp tranh đấu giữa các đoàn thể trong Mặt trận; đồng thời, thực hiện sự liên hiệp giữa Mặt trận Phản đế Đông Dương với Mặt trận kháng Nhật của Trung Quốc, trước hết phải giúp cho Hoa kiều thống nhất các đoàn thể kháng Nhật lại.

Về vai trò và sứ mệnh lịch sử của Mặt trận, Hội nghị nhấn mạnh: Trong giờ tranh đấu quyết liệt, Mặt trận phải trực tiếp võ trang cho dân chúng, cùng Đảng tổ chức Nhân dân cách mạng, trực tiếp tham gia điều khiển bạo động. Khi nào xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập, khi nào thành lập Chính phủ Cộng hòa... thì nhiệm vụ của Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế sẽ hết, Mặt trận sẽ giải tán¹.

Tinh thần của Hội nghị Trung ương lần thứ 7 đến với Quảng Nam trong bối cảnh Pháp - Nhật đang cấu kết chặt chẽ để cai trị Nhân dân ta, tăng cường khủng bố cách mạng. Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, Pháp vơ vét rất nhiều nguyên liệu dầu để cung cấp cho phát xít Nhật ở Hải Phòng. Đồng bạc Đông Dương bị phá giá. 1 kg thóc chỉ bán được 1 đồng trong khi phải mua 1 thước vải 13 đồng. Nhiều hiệu buôn ở Đà Nẵng, Hội An phải đóng cửa vì thua lỗ. Quân Nhật đóng giữ sân bay, hải cảng Đà Nẵng và các đường giao thông chiến lược quan trọng ở Quảng Nam. Nhật đóng quân ở cầu Vòng (Đà Nẵng), ở

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 260, 261, 262. Tuy nhiên, xưa nay trong các tài liệu hầu hết các nhà nghiên cứu đều gọi tổ chức *Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương (11-1939)* và tổ chức *Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế (11-1940)* bằng một tên chung (gọi tắt) là Mặt trận Phản đế Đông Dương.

cầu Chợ Cui trên đường quốc lộ 1, ở Hà Tân trên đường số 14 (Đại Lộ). Vừa mở rộng sân bay Đà Nẵng, phát xít Nhật vừa xúc tiến việc làm sân bay mới ở các xã Thanh Quýt, Hà Thanh, Bích Trâm, La Thọ (xã Điện Thắng, Điện Hòa hiện nay). Dân đi làm khâu, xây dựng sân bay bị phát xít Nhật hành hạ, đánh đập, có người bị thương tật hoặc phải bỏ mạng. Nơi Nhật xây dựng sân bay, dân bị mất ruộng vườn, phải dời mồ mả của cha ông đi nơi khác...

Để xây dựng căn cứ quân sự, phát xít Nhật bắt dân phải đi khâu mỗi tháng 10 ngày, khi đi phải mang theo dụng cụ riêng, mỗi ngày chỉ được trả 3 chén gạo. Thời gian làm việc từ tờ mờ sáng đến lúc mặt trời lặn mới về. Chúng bắt lý trưởng đến từng xóm, từng nhà để huy động cho đủ số lượng. Ai không đi được phải nộp tiền, nếu không thì bị đánh đập rất dã man. Những tên phát xít Nhật ở Hà Thanh, Bích Trâm, La Thọ khác nhau về diện mạo, nhưng tên nào cũng độc ác cả. Có một tên quan ba mà dân gọi là *Nhược gọng bừa* đánh dân rất ác, mỗi khi đánh xong nó lại bắt dân ngồi phơi ngoài nắng, đồng thời cho lính lùng sục cướp bóc tài sản của dân. Tên quan năm Nhật (đại tá) chỉ huy việc xây dựng căn cứ, có trụ sở đặt tại Thanh Quýt là một tên hám gái, đã nhẫn tâm bắt một ông nhà giàu phải gả cô gái đẹp nhất làng cho hắn.

Đối với tổ chức Đảng, để tránh sự khủng bố, truy lùng của địch, cơ quan chỉ đạo của Tỉnh ủy phải di chuyển liên tục từ Tam Kỳ ra Thăng Bình, lên Quế Sơn; dựa vào vùng núi Nghi Sơn, Nghi Hạ, Nghi Trung (Quế Sơn), qua núi Hòn Tàu đến Phú Nham Tây (Duy Xuyên) làm căn cứ đóng cơ quan, in tài liệu, ra báo chí. Các vị Tỉnh ủy viên đều thoát ly gia đình, phụ trách công tác xây dựng cơ sở ở các phủ huyện, tập trung kiện toàn các Phủ ủy, Huyện ủy, các tổ chức quần chúng. Trong tình

hình đó Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế các cấp ở Quảng Nam chưa thể hình thành, ngay cả các Hội phản đế đến tháng 1- 1941 mới thật sự được tăng cường củng cố, bổ sung nhiều hội viên mới, làm nòng cốt cho các cuộc đấu tranh chống đế quốc, phong kiến bóc lột.

2. Mặt trận Việt Minh tỉnh Quảng Nam và hoạt động của các Hội Cứu quốc trong thời kỳ 1941 - 1945

Chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng lan rộng và trở nên khốc liệt. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc quyết định trở về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Ngày 28 - 1 - 1941, Người về nước. Sau một thời gian chuẩn bị, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 - 5 - 1941. Hội nghị đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam đã được đề ra từ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11 - 1939), khẳng định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trên hết, trước hết của cách mạng. Bởi lẽ, *“Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”*¹. Hội nghị đã quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh), thay cho Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương.

Hội nghị nhấn mạnh sự cần thiết phải thay đổi tổ chức và phương thức vận động của Mặt trận, Nghị quyết chỉ rõ: *“Phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết làm*

1. Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2000, trang 113.

sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong Nhân dân, cho nên Mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay không thể gọi như trước là Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương mà phải đổi ra cái tên khác cho có tính chất dân tộc hơn, cho có một mãnh lực để hiệu triệu hơn và nhất là có thể thực hiện được trong tình thế hiện tại”¹.

Mặt trận Việt Minh lấy lá cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh làm huy hiệu, khẩu hiệu chính của Mặt trận Việt Minh là: Phản Pháp - kháng Nhật - liên Hoa - độc lập. Về cách thức tổ chức, Mặt trận Việt Minh lấy làng, đường phố, nhà máy làm cơ sở. Để Mặt trận Việt Minh thực sự đóng vai trò quan trọng, thiết thực trong sự nghiệp cứu nước, Nghị quyết nhấn mạnh: *“Việc tổ chức Mặt trận không phải chú trọng trên hình thức và lý thuyết của sự thống nhất mà có giá trị và hiệu quả hơn cả là căn cứ vào sự hành động chung của các đoàn thể cứu quốc”².*

Cùng ngày, Việt Minh công bố Chương trình cứu nước gồm 44 điểm, là một hệ thống các chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa và những chính sách cụ thể đối với các tầng lớp công nhân, nông dân, binh lính, công chức, học sinh, phụ nữ, thiếu nhi, người già và kẻ tàn tật, tư sản, địa chủ, nhà buôn. Chương trình này sau được đúc kết lại thành 10 chính sách lớn, nhằm hiệu triệu toàn dân giương cao cờ đỏ sao vàng, đánh Pháp, đuổi Nhật, cứu nước, giữ nhà; kêu gọi toàn dân hãy phấn đấu tự cường, tự lực cánh sinh, vì *“việc giải phóng của ta phải do ta làm”*. Chủ trương cứu nước của Việt Minh *“cốt thực hiện 2 điều mà toàn thể đồng bào mong ước:*

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 279.

2. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 280.

1. *Làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.*
2. *Làm cho dân Việt Nam được sung sướng tự do*”¹.

Theo Chương trình Việt Minh, Nguyễn Ái Quốc đã soạn bài thơ *Mười chính sách của Việt Minh*, được Bộ Tuyên truyền Việt Minh xuất bản và giới thiệu rộng rãi. Đánh giá về sự ra đời và nội dung Chương trình cứu nước của Việt Minh, sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét: “*Cái tên Việt Nam độc lập đồng minh rất rõ rệt, thiết thực và hợp với nguyện vọng của toàn dân*”. Thêm vào đó, chương trình đơn giản, thiết thực mà đầy đủ của Mặt trận gồm 10 điểm như bài ca tuyên truyền đã kể:

“*Có mười chính sách bày ra*

Một là ích nước hai là lợi dân...”

“*Mười điểm ấy gồm những điểm chung cho toàn dân tộc và những điểm đấu tranh cho quyền lợi của công nhân, nông dân và mọi tầng lớp Nhân dân; vì thế Việt Minh được Nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh và cũng do cán bộ rất cố gắng đi sát với dân, cho nên Việt Minh phát triển mau và rất mạnh*”. “*Bản chương trình Việt Minh là một ngôi sao chiếu sáng cho đồng bào tiến tới cõi vinh quang*”, “*Chỉ có Chương trình cứu nước của Việt Minh mới đoàn kết được tất cả các giới đồng bào đảng mau giải phóng cho Tổ quốc khỏi ách Nhật - Pháp*”, “*Làm cho nước Việt Nam sau này thành một nước dân chủ mạnh mẽ, văn minh và tiến bộ, mang lại độc lập, tự do thực sự, cơm áo đầy đủ cho Nhân dân*”.

5 tháng sau, Mặt trận Việt Minh công bố Tuyên ngôn, Chương trình và Điều lệ, nói rõ tôn chỉ, mục đích của mình: “*Liên hiệp tất cả các tầng lớp Nhân dân, các đảng phái cách*

1. Văn kiện Đảng toàn tập, trang 446.

mạng, các đoàn thể dân chúng yêu nước, đang cùng nhau đánh đuổi Nhật - Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”¹. Tôn chỉ đó đã quy định điều kiện gia nhập Mặt trận Việt Minh: “Việt Minh kết nạp từng đoàn thể, không cứ đảng phái, đoàn thể nào của người Việt Nam hay của các dân tộc thiểu số sống trong nước Việt Nam, không phân biệt giai cấp, tôn giáo và xu hướng chính trị, hễ thừa nhận mục đích, tôn chỉ và chương trình của Việt Minh và được Tổng bộ Việt Minh thông qua, thời được gia nhập Việt Minh”².

Về hệ thống tổ chức, ở các xã có Ban Chấp hành Việt Minh do các đoàn thể Việt Minh ở làng hay xã cử ra; tổng, huyện (hay phủ, châu, quận), tỉnh, kỳ có Ban Chấp ủy Việt Minh tương ứng; Việt Minh toàn quốc có Tổng bộ. Phương pháp tổ chức các hội quần chúng rất mềm dẻo, thích hợp từng lúc, từng nơi. Ngoài những đoàn thể có tính chất chính trị, cách mạng rõ rệt như Hội Nông dân cứu quốc, Hội Công nhân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc...; còn có những đoàn thể không có điều lệ, hoạt động công khai, bán công khai như Hội Cứu tế thất nghiệp, Hội Tương tế, Hội Hiếu hỷ, phường bạn, nhóm học Quốc ngữ, nhóm đọc sách, xem báo... Đó là những bậc thang đưa quần chúng từng bước lên các tổ chức cứu quốc. Chỉ thị về công tác của Ban Chấp hành Trung ương ngày 1 - 12 - 1941 chỉ rõ: “*Cần phải chú ý là không nên dùng phương pháp Đảng mà tổ chức quần chúng, vì Đảng là một tổ chức gồm những phần tử giác ngộ nhất, hăng hái, trung thành nhất, hoạt động nhất của vô sản giai cấp. Tổ chức của*

1. Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, trang 815.

2. Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, trang 815.

Đảng cần phải chặt chẽ và nghiêm ngặt. Còn những tổ chức quần chúng cần phải rộng rãi, nhẹ nhàng”¹.

Trong quan hệ với Mặt trận Việt Minh, Đảng xác định: “*Đảng ta cũng là một bộ phận trong Mặt trận phản đế Đông Dương, bộ phận trung kiên và lãnh đạo*”², là “*một bộ phận linh động nhất trong Mặt trận Dân tộc Thống nhất chống Nhật - Pháp*”³. Tuy nhiên, trong Mặt trận Việt Minh không chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, mà còn có các đảng phái cách mạng khác của người Việt Nam. Đảng phải góp phần vào việc nâng cao uy tín của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi Mặt trận Việt Minh ra đời, những chủ trương, nghị quyết của Đảng nhằm xây dựng lực lượng cách mạng đều được quán triệt trong các văn kiện của Mặt trận Việt Minh và trong thực tiễn hoạt động cách mạng thì “*toàn bộ phong trào chống phát xít Pháp - Nhật của Nhân dân ta mang tên là phong trào Việt Minh, cái tên tiêu biểu cho lòng yêu nước, chí quật cường của dân tộc ta*”⁴.

Tháng 10 - 1941, Lê Chương với trách nhiệm Bí thư Xứ ủy đã tham gia Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam được tổ chức tại Quế Sơn. Hội nghị đã tiếp thu nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, do Xứ ủy Trung Kỳ trực tiếp truyền đạt. Đồng thời quyết định một số vấn đề quan trọng, chuyển các tổ chức quần chúng phản đế, chưa phản đế thành các đoàn thể cứu quốc; đẩy mạnh tuyên truyền, thu hút đông đảo các tầng lớp

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, trang 816.

2. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, trang 816.

3. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, trang 816.

4. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1971, trang 27.

Nhân dân vào các đoàn thể cứu quốc; xây dựng đội tự vệ, du kích, tổ chức huấn luyện quân sự, rèn sắm vũ khí, xúc tiến việc thành lập các chiến khu, chuẩn bị mọi điều kiện để đón thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền; kết hợp mục tiêu giải phóng dân tộc với việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành các quyền lợi hàng ngày như chống khủng bố, cướp bóc, chống quốc trái, lạc quyền, bắt xâu, bắt lính...; thành lập Mặt trận Việt Minh tỉnh do Bí thư Tỉnh ủy Trương Hoàn làm Chủ nhiệm, nhằm tập hợp đông đảo các tầng lớp Nhân dân, các tôn giáo, đảng phái hướng vào một mục tiêu chung là đánh đổ đế quốc Pháp - Nhật, giải phóng dân tộc.

Sau hội nghị này, phong trào cách mạng Quảng Nam phát triển rất nhanh. Ở tất cả các phủ huyện đều có cơ sở Đảng, các hội Cứu quốc. Báo *Bể xiềng sắt* của Trung ương, báo *Cứu quốc* của Xứ ủy mỗi số in ra từ 400 đến 500 bản, phân phối đi các nơi vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu. Nhiều tác phẩm thơ ca, hò vè vận động cách mạng cũng được phổ biến rộng rãi. Nhiều cuộc mít tinh của quần chúng cũng được tổ chức thu hút hàng trăm người đến nghe phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, nghe hát các bài ca cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự vận động tích cực của các hội Cứu quốc ở cơ sở, phong trào cách mạng trong tỉnh có bước phát triển mới. Nhân dân Bích Trâm, Gò Nổi, La Thọ (Điện Bàn) nổi dậy đấu tranh chống sưu thuế, chống Nhật cướp dầu phụng, bông vải; hàng trăm người dân Lạc Cầu (Bình Dương), Ngọc Khô (Bình Tú) huyện Thăng Bình đũa bọ tay sai Nhật - Pháp mua dầu phụng với giá rẻ, đòi chia lại công điền, chống chính sách vợ vét nông sản, chống bắt phu đi xây dựng sân bay Thanh Quýt (Điện Bàn); nông dân Hòa

Xuân (Tam Hòa), Diêm Trường (Tam Giang)..., chống lệnh phá lúa trồng đậu phụng và chính sách độc quyền đậu phụng, chống lệnh cấm làm muối. Đặc biệt, ở hầu hết các vùng nông thôn, Nhân dân tích cực đấu tranh đòi bãi bỏ nạn xôi thịt, rượu chè, chống lại thái độ hống hách của lý trưởng, kỳ hào đối với dân, chống cưỡng hôn, chống mê tín, cổ vũ tinh thần đoàn kết lẫn nhau.

Hướng ứng cuộc vận động đấu tranh giành quyền lợi kinh tế, Nhân dân Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn..., ký đơn kiện không chịu nộp dầu phụng, không chịu bán đủ số lượng dầu như chúng quy định. Khi ép dầu xong, Nhân dân đã tìm cách chuyển dầu ra khỏi xưởng, dây dưa, kéo dài việc nộp dầu. Tại Tam Kỳ, Nhân dân xông vào xưởng ép dầu ở Đồng Lớn, đánh sếp xưởng, cướp dầu. Nhân dân vùng Thành Mỹ, Xuân Mỹ (Tam An) tổ chức đón đường đánh bọn lính đoan, lính tập lùng bắt cướp đoạt dầu phụng của dân khi đi bán. Trong đấu tranh chống quân cấp công điền bất minh, Nhân dân có thư gửi thẳng cho từng lý hương và tham gia rải truyền đơn kêu gọi các tổng, lý, kỳ hào ủng hộ phong trào cứu quốc của toàn dân. Nhân dân nhiều xã ở Duy Xuyên đấu tranh chống thu thuế nước tưới, chống cường hào bao chiếm, bao tá, đòi đòi tên tri phủ gian ác Nguyễn Sĩ Túc đi nơi khác. Tại Quế Sơn, Nhân dân phản đối việc bắt thanh niên đi lính cho Nhật, chống lý hương chiếm đoạt ruộng đất công bằng cách đấu giá công điền.

Đầu năm 1942, Tỉnh ủy Quảng Nam mở Hội nghị kiểm điểm và ra Nghị quyết quan trọng gọi là *Thông báo khẩn cấp của Thường vụ Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Tứ Xuyên*¹. Sau khi phân tích tình hình, Tỉnh ủy đặc biệt nhấn mạnh hãy tập trung toàn

1. Tứ Xuyên là mật danh của Tỉnh ủy Quảng Nam.

bộ các hoạt động hướng vào mục tiêu: “*Chuẩn bị đầy đủ lực lượng chính trị, kinh tế, quân sự và phương pháp cách mạng để đón thời cơ vỡ trang khởi nghĩa đánh đổ kẻ thù Pháp, Nhật và bọn Việt gian, giành lại cho đất nước ta một tương lai chói lọi*”. Về công tác tập hợp lực lượng cách mạng, Tỉnh ủy yêu cầu: “*Tuyên truyền đến đâu tiến hành tổ chức đội ngũ đến đó. Chú ý tổ chức Đảng, Mặt trận, các đoàn thể cứu quốc. Tổ chức các lực lượng tự vệ, du kích, kể cả các tổ chức biến tướng nhằm để tập hợp quần chúng rộng rãi*”¹.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, các cơ sở Đảng trong tỉnh liên tục tổ chức các cuộc mít tinh công khai tại Hội An, Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, thu hút đông đảo quần chúng đến dự. Qua các buổi mít tinh, nghe diễn thuyết..., hội viên các đoàn thể cứu quốc hiểu hơn về Chương trình, Điều lệ Việt Minh, tích cực phổ biến thơ ca cách mạng và thư kêu gọi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Ở Tam Kỳ, Quế Sơn còn có hình thức tuyên truyền hội *Khóc dạ* của đội thiếu niên, đêm đêm các em dùng loa kêu gọi quần chúng hưởng ứng Chương trình của Mặt trận Việt Minh.

Đến giữa năm 1942, Mặt trận Việt Minh thành lập được 20 Ban vận động cứu quốc (tức Việt Minh) ở các huyện. Các đoàn thể cứu quốc như nông dân, thanh niên, phụ nữ, lão thành trong tỉnh phát triển, số hội đoàn viên lên đến 5.000 người. Ở Quế Sơn còn có tổ chức Hội Nhi đồng cứu vong; ở Tam Kỳ thành lập Ban vận động phụ nữ huyện, một số nơi còn tranh thủ nắm các hội biến tướng như hội đá bóng, hội trợ tang..., để tập hợp quần chúng. Vùng núi Nghi Sơn (Quế Sơn) sang Phú Nham Tây (Duy Xuyên) được chọn xây dựng thành căn cứ của

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 162.

cách mạng. Lực lượng bán vũ trang được thành lập với hàng chục tiểu đội tự vệ cứu quốc ở các phủ huyện, tiến hành rèn giáo mác, chuẩn bị vũ khí, tập luyện để đón thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. Một số nơi chỉ trong một thời gian ngắn đã xây dựng được Đội tự vệ cứu quốc như Tam Kỳ (18 tiểu đội), Quế Sơn (8 tiểu đội), Điện Bàn (3 tiểu đội)... Riêng Quế Sơn, hội viên Hội Nông dân cứu quốc còn tổ chức lực lượng tự vệ, đồng diễn thể dục, võ thuật. Nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng chống đế quốc, phát xít, phong kiến diễn ra nhiều nơi trên địa bàn. Ở Duy Xuyên có phong trào đấu tranh chống thu thuế nước tưới lúa cao, chống cường hào bao chiếm đất công. Quế Sơn có phong trào đấu tranh chống bắt thanh niên đi lính cho Nhật, chống lý trưởng chiếm đoạt ruộng đất công. Tam Kỳ có cuộc đấu tranh chống bắt công trong việc chia công điền. Điện Bàn có phong trào đấu tranh đòi chủ tăng tiền công cho người lao động...

Sự lớn mạnh của phong trào cứu quốc trong tỉnh là điều kiện thuận lợi cho việc thắt chặt mối quan hệ giữa dân với Đảng. Các phong trào cứu quốc ở Quế Sơn, Tam Kỳ thu hút cả tầng lớp trên. Có cả phú nông, địa chủ nhỏ, lý hương tham gia Mặt trận Việt Minh. Một số cán bộ thoát ly của Tỉnh uỷ, Xứ uỷ được một số hương kiểm, lý trưởng nuôi giấu trong nhà. Báo cáo của mật thám Hội An gửi cho Khâm sứ Pháp Trung Kỳ hồi tháng 6 - 1942 ghi rõ: *“Một số lý trưởng, hương kiểm đứng đầu các xã đã chứa hàng tháng trong nhà họ những kẻ đang bị chính quyền truy nã, những kẻ mà đáng ra phải bị họ bắt. Thật khó mà giải thích nguyên nhân!”*. Nhiều gia đình dù nghèo, nhưng vẫn hết lòng giúp đỡ, ủng hộ cách mạng tiêu biểu như gia đình ông Nguyễn Yên ở La Thọ (Điện Bàn), gia đình ông Hoan, bà Lý ở Phương Trì, gia đình ông Võ Dương, bà Lê Thị

Phương, bà Hạnh, bà Dương (Quế Sơn), bà Bạn, bà Viện (Lộc Đại), gia đình ông Nguyễn Câu, Lương Hiệp ở Diêm Trường (Tam Giang), nhà bà Sầm ở Thọ Khương (Tam Hiệp)...

Trong việc bảo vệ, giúp đỡ cách mạng, người dân Quảng Nam đã âm thầm hành động dưới nhiều hình thức kín đáo, tế nhị... Khi người dân biết là cán bộ Việt Minh thì không phân biệt người đó quê quán ở đâu, bà con đều nuôi giấu, bảo vệ như anh em ruột thịt. Không chỉ người Kinh ở đồng bằng, mà cả đồng bào các dân tộc thiểu số cũng một lòng hướng về Mặt trận Việt Minh. Trước đó vào tháng 2 - 1942, khi Tố Hữu, Huỳnh Ngọc Huệ từ nhà lao Đắc Lay vượt ngục, về đến Bến Giằng đã được người làng Rô (Nam Giang) hết lòng cứu mang, che chở thoát khỏi sự truy lùng của địch. Cùng thời gian này, khi giặc Pháp tiến hành bắt xây làm đường 14, đồng bào ở làng Cà Đoạt (Phước Sơn) do ông Giang, ông Rẫy cầm đầu dùng tên, ná, chông, thò tự tạo đánh bọn địch ở đồn Đắc Lây xuống làng bắt xây, làm mấy tên bỏ mạng. Đồng bào Bến Giằng theo ông Người ký đơn kêu kiện đến tận Khâm sứ Trung Kỳ đòi miễn xây, nhưng không thành. Sau đó ông Trgia dẫn đầu một đoàn mấy chục người mang theo cả giáo, cung tên, ná xuống Hội An đòi tên Công sứ miễn xây. Do sợ dân miền núi làm “*giặc mùa*” đánh Pháp, trong khi bọn chúng muốn khai thông biên giới Việt - Lào để đối phó với quân Nhật, tên Công sứ Pháp đành phải chấp nhận miễn xây cho đồng bào. Những việc làm này của bà con các dân tộc đã góp phần cùng với cả tỉnh làm cho thực dân Pháp không thể hoàn thành con đường 14 theo kế hoạch.

Báo cáo của mật thám Hội An gửi cho Khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ phải thú nhận: “*Quảng Nam phải đối phó với một tổ chức cộng sản loại cũ*”. Tuy nhiên các hoạt động cách mạng

sôi nổi trong năm 1942 của Quảng Nam có khi quá công khai, chưa chú ý đúng mức việc giữ gìn bí mật, che giấu lực lượng nên bị mật thám Pháp theo dõi, phát hiện, truy nã, bắt bớ hơn 1.000 vụ. Từ tháng 6 đến tháng 8 - 1942, chỉ riêng ở Quế Sơn, Đại Lộc, Thăng Bình, Tam Kỳ đã có 691 người bị bắt. Cơ quan in ấn của Xứ uỷ tại Phú Nham Tây (Duy Xuyên) cũng bị địch phát hiện, tịch thu phương tiện. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 5 người, thì 3 người bị địch bắt, một lần nữa Đảng bộ Quảng Nam bị đứt liên lạc với cấp trên.

Một lần bẽ là một lần tổn thất của phong trào cách mạng, song cũng thêm một lần thử thách rèn luyện đối với đảng viên, cơ sở và quần chúng. Nhiều người bị địch đánh chết đi sống lại vẫn giữ vững khí tiết. Quần chúng thì một lòng bảo vệ Đảng. Có bà mẹ có con bị địch bắt, nhà bị cả trung đội lính đến ở vẫn bình tĩnh che giấu cán bộ, tiếp tục làm công tác liên lạc cho Mặt trận Việt Minh. Nhờ vậy, mà nhiều cán bộ, đảng viên không rơi vào tay giặc, tổ chức Đảng, Mặt trận Việt Minh và cơ sở quần chúng cách mạng vẫn tồn tại ở nhiều nơi, tạo điều kiện cho việc khôi phục, phát triển phong trào ở những năm tiếp theo.

Đầu năm 1943, nhằm đưa phong trào cách mạng của tỉnh phát triển kịp với phong trào Việt Minh ở miền Bắc. Mặt trận Việt Minh và các hội Cứu quốc Duy Xuyên, Tam Kỳ, Điện Bàn, Thăng Bình, Tiên Phước, Quế Sơn..., vận động hội viên vào các đội tự vệ, trang bị giáo, mác sẵn sàng đón thời cơ khởi nghĩa. Cũng trong thời gian này, Tỉnh ủy chỉ đạo phát hành vé số cứu quốc nhằm gây quỹ hoạt động. Mặt trận Việt Minh các địa phương hưởng ứng tích cực, vừa mua vé ủng hộ, vừa tuyên truyền, vận động các giai cấp, tầng lớp tham gia. Phong trào diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ nhất là ở Hội An, Duy Xuyên.

Đây cũng là nơi được Tỉnh ủy chọn để tổ chức in ấn tài liệu cách mạng, trong đó có tài liệu bồi dưỡng kiến thức vận động quần chúng cho cán bộ cốt cán các hội Cứu quốc. Đến tháng 4 - 1943, do việc bán vé số bị lộ, địch ráo riết truy lùng, bắt giam nhiều người. Một số địa phương như Duy Xuyên, Hội An, Điện Bàn cách mạng bị tổn thất nặng nề. Song nhìn chung trên địa bàn toàn tỉnh, phong trào cách mạng vẫn được giữ vững. Ở Tiên Phước, Tam Kỳ, Thăng Bình, Quế Sơn, Đại Lộc..., các tổ chức biểu tượng của các hội Cứu quốc xung quanh Mặt trận Việt Minh tiếp tục hoạt động, thu hút hàng nghìn hội viên tham gia, kiên nhẫn chờ thời cơ cách mạng.

Từ giữa năm 1944, tình hình nước ta và trên thế giới có những chuyển biến thuận lợi cho cách mạng. Cuộc chiến tranh chống phát xít bước vào giai đoạn kết thúc, quân đội Liên Xô phản công quân Đức trên nhiều mặt trận và đẩy lùi chúng ra khỏi biên giới. Chủ nghĩa phát xít đang đứng trước nguy cơ bị thất bại hoàn toàn. Chính phủ Pétanh thân Đức ở Pháp đổ. Quân Nhật đang thua đậm ở Thái Bình Dương.

Ngày 7 - 5 - 1944, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị cho các cấp sửa soạn khởi nghĩa và kêu gọi Nhân dân “*Sấm vũ khí đuió thù chung*”. Ở Quảng Nam, tháng 2 - 1945, Hội nghị Tỉnh ủy nhận định tổ chức Đảng ở nhiều phủ, huyện chưa được phục hồi, khâu cán bộ hoạt động đang thiếu nghiêm trọng. Vì vậy, nhiệm vụ cấp bách của Tỉnh ủy trong lúc này là phải lập lại tổ chức Đảng và Mặt trận Việt Minh các huyện; chú trọng xây dựng cơ sở ở miền núi, vùng giáp ranh tạo thế liên hoàn cho khởi nghĩa vũ trang, đồng thời phân công cán bộ bám cơ sở những nơi gần cơ quan đầu não của địch để nắm tình hình, kịp thời đối phó trong mọi tình huống.

Đêm mùng 9 - 3 - 1945, Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: “*Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, quyết định phát động một cao trào “*Kháng Nhật cứu nước*” mạnh mẽ làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa. Tiếp đó, Mặt trận Việt Minh cũng đã ra “*hịch*” kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh cao trào kháng Nhật, cứu nước, tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Đầu tháng 5 - 1945, phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và Đồng Minh. Trên mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng khốn đốn trước các đòn tấn công dồn dập của quân Đồng Minh. Ở Việt Nam, phong trào kháng Nhật do Việt Minh lãnh đạo diễn ra khắp nơi. Cùng thời gian này, tại Đại Lộc, Hội nghị mở rộng của Tỉnh ủy Quảng Nam đã quyết định kiện toàn Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh lấy mặt danh là Việt Minh Vụ Quang để công khai tuyên truyền hiệu triệu quần chúng và củng cố hệ thống Việt Minh từ xã tổng lên phủ, huyện. Ban Chấp hành Việt Minh Vụ Quang là những vị trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh¹, do ông Trần Văn Quế - Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm. Từ đây, hoạt động của Mặt trận Việt Minh các cấp đồng nhất với hoạt động của các cấp ủy Đảng và ngược lại. Tiếp theo, tháng 6 - 1945, Tỉnh ủy họp mở rộng tại Thọ Khương (Núi Thành), chủ trương đẩy mạnh sử dụng hình thức mít tinh, tuyên truyền, hoặc thông qua các lễ hội để phát động quần chúng... Quyết định bổ sung vào Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh các ông, bà Phan Quang Trọng, Phan Tôn, Phan Thị Nễ, Nguyễn Quang Chung, Hồ Tên, Phan Thêm. Sau hội nghị Tỉnh ủy, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa ở Quảng Nam phát triển với nhịp độ

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 177.



Ông **TRẦN VĂN QUẾ**
*Chủ nhiệm Ủy ban Mặt trận
Việt Minh tỉnh Quảng Nam
(5/1945 - 9/1945)*

Đại Lộc, Tiên Phước..., đã lập xong Ủy ban Việt Minh huyện. Ở những nơi chưa lập lại tổ chức Đảng, thì ở đó Ủy ban Việt Minh làm nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng như một cấp ủy Đảng.

Tính đến đầu tháng 8 - 1945, hầu hết các tổng và phần lớn các xã trong tỉnh đã lập xong Ủy ban Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc. Ngay trong hàng ngũ địch ta cũng có cơ sở trong các đồn lính Bảo An ở Hội An, Đà Nẵng; trong Sở hiến binh Nhật và một số lính lệ ở các phủ huyện, sẵn sàng cung cấp tình hình và làm nội ứng cho ta khi khởi nghĩa nổ ra. Đội du kích Vũ Hùng phát triển lên 200 đội viên, lấy 2 tổng Đức Hòa và An Hòa của phủ Tam Kỳ làm căn cứ đứng chân hoạt động. Lực lượng tự vệ cứu quốc ở một số địa phương như Hội An, Quế Sơn, Duy

khân trương, sôi nổi. Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Phụ vận tỉnh (gồm 6 thành viên) do bà Phan Thị Nễ làm Trưởng ban, bà Trần Thị Nguyên làm Phó ban và phân công từng thành viên phụ trách đẩy mạnh công tác phụ nữ ở các phủ, huyện. Từng thành viên của Mặt Việt Minh tỉnh được phân công chỉ đạo từng phủ, huyện và từng mặt công tác quan trọng. Hơn 400 tù chính trị của tỉnh ở khắp các nhà lao đã về hết và tham gia vào các Ủy ban Việt Minh. Một số nơi như Thăng Bình,

Xuyên..., đã thành lập đội tự vệ vũ trang, vũ trang tuyên truyền xung phong. Riêng Hội An có trên 1.000 đội viên.

Các cuộc mít tinh do Ủy ban Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tổ chức nổ ra hàng loạt, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, có cả lực lượng tự vệ vũ trang canh gác. Tại các cuộc mít tinh, quần chúng cách mạng được nghe cán bộ Việt Minh diễn thuyết kêu gọi đả đảo nền độc lập giả hiệu của Nhật, ủng hộ Việt Minh, ủng hộ tiền bạc, thóc gạo vào quỹ cứu quốc, góp sắt đồng để rèn đúc vũ khí, mua sắm băng cờ chuẩn bị khởi nghĩa đánh đuổi phát xít Nhật.

Phong trào cách mạng toàn tỉnh và cả nước lên cao, Nhân dân không đi sâu, không nộp thuế, không nộp thóc, không nộp dầu phụng cho Nhật. Quân Nhật đành chịu bất lực, bộ máy tay sai của chúng hoang mang cực độ. Các tên phủ trưởng, huyện trưởng Tam Kỳ, Duy Xuyên, Quế Sơn, Điện Bàn..., và cả thị trưởng Đà Nẵng tìm đường liên lạc với Việt Minh, hy vọng sau này được tha tội chết. Một số tổng lý tự nguyện tham gia vào các hội cứu quốc; những tên cường hào ngoan cố chống lại đều bị trừng trị. Tiêu biểu nhất là quần chúng cách mạng ở tổng Xuân Phú (Quế Sơn) đã hạ cờ quẻ ly của chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim xuống, treo cờ đỏ sao vàng của cách mạng lên, bọn lính tuần sai được huyện trưởng phái đến đàn áp, nhưng không dám hành động chỉ đứng nhìn và lạng lẽ rút lui.

Nhìn chung, đến đầu tháng 8 - 1945, bộ máy thống trị tay sai của Nhật từ phủ, huyện đến cơ sở đã bị tê liệt, quần chúng được tập hợp dưới ngọn cờ hiệu triệu của Mặt trận Việt Minh, sẵn sàng hành động vì nghĩa lớn.

Ngày 8 - 8 - 1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và đã tiêu diệt đội quân chủ lực Quan Đông của Nhật trên đất Trung

Quốc. Ngày 15 - 8 - 1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng Minh không điều kiện. Quân Nhật và tay sai ở Đông Dương tan rã, quân Đồng Minh chưa kịp kéo vào nước ta, quần chúng Nhân dân đã sẵn sàng, thời cơ cứu nước ngàn năm đã tới.

Ngay khi nhận được tin Nhật đầu hàng Đồng Minh, mặc dù chưa nhận được lệnh khởi nghĩa của Trung ương, nhưng do thâm nhuần Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” của Trung ương trước đó, nắm bắt kịp thời sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước. Không bỏ lỡ thời cơ, Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định phát động toàn dân trong tỉnh nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền; chuyển tất cả các cấp ủy Đảng và Ủy ban Việt Minh các cấp thành Ủy ban bạo động khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương; thành lập Ủy ban bạo động giành chính quyền tỉnh Quảng Nam gồm 17 thành viên, trong đó có 15 người là Tỉnh ủy viên.

Ngày 17 - 8 - 1945, không khí khởi nghĩa bao trùm lên các huyện, thị trong tỉnh. Tại tỉnh lỵ Hội An, hàng ngàn quần chúng tay dao, tay gậy từ các xã Cẩm Phô, Kim Bồng, Thanh Hà kéo về Ngọc Thành (nay là góc đường Trần Hưng Đạo - Phạm Hồng Thái) chờ lệnh. 3 giờ ngày 18 - 8 - 1945, cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Chưa đầy 4 giờ đồng hồ sau, Hội An giành được chính quyền. Ở Điện Bàn, ngay trong đêm 17 - 8 - 1945, Ủy ban bạo động phủ huy động hàng ngàn quần chúng nổi dậy làm hậu thuẫn cho việc giành chính quyền ở Hội An. Nhân dân được huy động hạ cây, cản đường làm chướng ngại vật, không cho lính Nhật từ Đà Nẵng và các nơi khác kéo vào Vĩnh Điện chi viện cho bọn tay sai ở Hội An. Sáng sớm ngày 18 - 8, các cánh quân xuất phát từ nơi tập trung tiến ra quốc lộ 1A và tỉnh lộ 100 đồng loạt kéo về phía phủ lỵ. Mặc dù, trong lúc ngăn chặn lính Nhật, một số quần chúng ở Điện Bàn bị quân Nhật bắn gây



Cơ quan Mặt trận Việt Minh Cửu Long (Hội An) - nay là số 2, đường Nguyễn Huệ, thành phố Hội An.

thương vong, nhưng đoàn quân khởi nghĩa ở các hướng khác vẫn tiếp tục biểu tình, kéo về giành chính quyền ở phủ lý. Riêng cánh quân khởi nghĩa từ Gò Nổi đến bến đò Phương Trà, được tin các cánh quân trên quốc lộ 1A gặp trở ngại, đã lập tức hạ lệnh trưng dụng thuyền bè của Nhân dân trên sông Thu Bồn vào việc chuyển quân cho kịp giờ khởi nghĩa. 9 giờ sáng cùng ngày, Điện Bàn giành được chính quyền. Ở Tam Kỳ, chiều ngày 18 - 8 - 1945, Ủy ban bạo động phủ đã vận động Nhân dân nhiều xã nổi dậy hỗ trợ lực lượng cứu quốc, bắt giam lý trưởng và bọn phản động, chặt cây cản đường xe Nhật, làm chướng ngại vật, rồi dùng trống, mõ, dây, giáo, mác cầm tay kéo đi chiếm nhà ga, kho dầu, xưởng ép dầu của Nhật, bu điện, đồn thương chánh, đồn đại lý, phủ đường. Đến 23 giờ 30, ngày 18 - 8 đã giành được chính quyền ở phủ lý. Tại các xã vùng núi thuộc 2

tổng Phước Lợi và Đức Tân (thuộc huyện Núi Thành và Phú Ninh hiện nay), mặc dù quân chúng đã được chuẩn bị từ trước, nhưng do điều kiện núi rừng cách trở, nên sáng ngày 19 - 8 mới triển khai kế hoạch giành chính quyền ở các xã trong vùng. Đến chiều ngày 19 - 8, lực lượng tự vệ cứu quốc và công nhân cứu quốc đã chiếm giữ, quản lý toàn bộ máy móc, phương tiện sản xuất và tài sản ở đồn điền chè Đức Phú và mỏ vàng Bồng Miêu, thu toàn bộ sổ sách và triện đồng của bọn chủ, đưa những tên gian ác ra nhận tội trước Nhân dân. Đặc biệt, đông đảo tín đồ Thiên Chúa giáo ở khu vực Thuận Yên, Hòa Mỹ (Tam Sơn) đã đồng loạt nổi dậy, cùng đồng bào giành chính quyền ở địa phương mình¹. Trên địa bàn Đại Lộc, ngày 17 - 8 - 1945, nông dân tổng Đại An, Mỹ Hòa cùng với công nhân nhà máy ươm tơ Giao Thủy kéo về chợ Quảng Huế dự mít tinh, rồi biến thành cuộc biểu tình tuần hành thị uy khắp tổng. Ở các tổng khác, Nhân dân tham gia nổi dậy khởi nghĩa ở thôn, xã. Ngày 18 - 8 - 1945, Nhân dân ở 6 tổng của Đại Lộc nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện đường. Sau khi dự mít tinh mừng thắng lợi, hàng ngàn quân chúng trong huyện tham gia vào đoàn khởi nghĩa kéo lên vùng Bến Hiên, Bến Giằng gây áp lực buộc bọn lính địch ở đây phải bàn giao đồn cho Nhân dân. Cùng thời gian này, khởi nghĩa cũng đã nổ ra và giành được thắng lợi ở nhiều nơi khác như Duy Xuyên (trưa 18 - 8), Quế Sơn (chiều 18 - 8), Thăng Bình, Tiên Phước (tối 18 - 8)...

Như vậy, chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, cùng với Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Hải Dương, Bắc Giang. Quảng Nam trở thành tỉnh giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền thuộc về tay Nhân dân.

1. Thành ủy Tam Kỳ - Huyện ủy Núi Thành - Huyện ủy Phú Ninh, *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ (1930 - 1954)*, tháng 1- 2007, trang 165.

Ngày 2 - 9 - 1945, tại thị xã Hội An, Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh tổ chức mít tinh mừng thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa và ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Nam do ông Nguyễn Xuân Nhĩ làm Chủ tịch; ban bố chương trình hành động của chính quyền cách mạng và 10 chính sách lớn của Ủy ban giải phóng Việt Minh.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Quảng Nam là kết quả của cả quá trình vận động thành lập tổ chức Đảng và gần 15 năm (1930 - 1945) đấu tranh kiên cường, bất khuất của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân được tôi luyện, thử thách trong những tháng năm đầy hy sinh, gian khổ; đó cũng là kết quả của đường lối cách mạng đúng đắn, đầy sáng tạo của Đảng, mà trực tiếp là của Tỉnh ủy Quảng Nam, nhất là trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh vô địch trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược và ách thống trị của chế độ phong kiến. Cũng như cả nước, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam nổ ra trong điều kiện hết sức thuận lợi. Kẻ thù cách mạng là thực dân Pháp đã bị phát xít Nhật - Đức đánh bại, tiếp theo là phát xít Nhật bị Liên Xô và Đồng Minh buộc phải đầu hàng vô điều kiện. Tranh thủ thời cơ đó, Nhân dân đã nhất tề đứng dậy dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng lời dạy của lãnh tụ Hồ Chí Minh: “*Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta*”.

Ngoài những nguyên nhân chung, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi nhanh chóng ở Quảng Nam, còn có những nguyên nhân cụ thể sau đây:

Một là, chọn đúng thời cơ phát động khởi nghĩa. Khi được tin Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện, Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh đã sáng suốt vận dụng Chỉ thị “*Nhật*

- *Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” của Trung ương Đảng. Đây là một quyết định kịp thời làm cho cuộc khởi nghĩa ở Quảng Nam diễn ra trùng hợp với thời gian cao điểm của Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc, giành thắng lợi nhanh gọn. Do vậy, cùng với cả nước, Quảng Nam đã có được sự nhạy bén sáng tạo, đề ra những quyết định đúng đắn, đáp ứng kịp thời trong mỗi giai đoạn có tính bước ngoặt của lịch sử để làm nên sự thành công của cách mạng.

Hai là, biết phát huy sức mạnh của các đoàn thể cứu quốc, lực lượng tự vệ, đội ngũ cán bộ cốt cán xung quanh Mặt trận Việt Minh, trong đó lực lượng chính trị đóng vai trò tích cực. Trong khởi nghĩa, Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh biết kết hợp giữa đấu tranh chính trị của quần chúng với việc sử dụng lực lượng tự vệ, kết hợp hình thức huy động quần chúng vũ trang biểu tình thị uy, tạo thế áp đảo địch để nhanh chóng dập tắt những hành động chống đối, cản trở khởi nghĩa của các lực lượng phản cách mạng.

Ba là, sự đồng tâm nhất trí, trên dưới một lòng của Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam. Khi thời cơ đến đã đồng loạt nổi dậy, khởi nghĩa giành chính quyền, lập chính quyền cách mạng trong toàn tỉnh một cách nhanh gọn và ít đổ máu, đem lại thế và lực cho phong trào cách mạng cả tỉnh trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chính quyền Nhân dân còn non trẻ.

Vì thế, có thể nói thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thắng lợi của “*Thiên thời - địa lợi - nhân hòa*”. “*Thiên thời*” ở đây có thể hiểu là thời cơ; “*Địa lợi*” là những tinh túy của một vùng đất có bề dày truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa của xứ Quảng; “*Nhân hòa*” là sự thống nhất giữa lòng dân và ý Đảng.